

Số : /BC-LTT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

BÁO CÁO

Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

A. Trục sở chính.

I. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

- Cao đẳng: 150 sinh viên
- Trung cấp: 20 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 15 xưởng.

- Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng Thực tập PLC1		
1	Bộ điều khiển khả trình PLC	Bộ	2
2	Bộ thí nghiệm vi điều khiển	Bộ	2
3	Máy vi tính P4 -3.2GHz	Bộ	2
4	Bộ thí nghiệm kỹ thuật số	Bộ	60
5	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	20
6	Đồng hồ đo MΩ	Cái	1
7	Đồng hồ VOM kim	Cái	2
8	Màn hình cảm ứng	Bộ	1
9	Máy khoan Makita	Cái	1
10	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC và VDK	Bộ	1
11	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	6
12	Bộ thực hành PLC S7-1200 TPA 71200	Bộ	8

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
13	Module Profinet mở rộng TPA 30024	Bộ	6
	Phòng Thực tập PLC2		
14	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	34
15	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
16	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
17	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
18	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	7
19	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
20	Tủ điều khiển hệ thống xử lý nước thải T2010-N11	Cái	1
21	Cây hút chì	Cái	10
22	Động cơ các loại	Cái	2
23	Đồng hồ các loại	Cái	11
24	Kềm các loại	Cái	18
25	Loa thùng	Cặp	1
26	Máy khoan bàn	Cái	1
27	Mixer	Cái	1
28	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	10
29	Nhíp các loại	Cái	8
30	Tuocnovit pake	Cây	40
	Phòng thực tập Điện tử viễn thông		
31	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	7
32	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	12
33	Bộ thí nghiệm tổng đài LG 102 (Korea)	Cái	2
34	Đồng hồ vạn năng hiển thị số, tần số 10MHz- Model: LM 2006	Bộ	1
35	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông ASK, FSK, PSK- Model: SO4204-9L (Đức)	Bộ	1
36	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PAM/PCM - Model: SO4204-9J (Đức)	Bộ	1
37	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PTM - Model: SO4204-9K (Đức)	Bộ	1
38	Dụng cụ biến điệu, giải biến AM/FM - Model: SO4204-9M (Đức)	Bộ	1
39	Dụng cụ đo và kết nối - Model: SO4203-2J (Đức)	Bộ	11

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
40	Dụng cụ thực hành ăngten - Model: SO4204-9W (Đức)	Bộ	1
41	Hệ thống mạng	HT	1
42	Khối giao diện UNITRAIN I- Model: SO4203-2A (Đức)	Bộ	11
43	Khối mô đun kết nối - Model: SO4203-2B (Đức)	Bộ	22
44	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	2
45	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	5
46	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	6
47	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	3
48	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
49	Mô đun thí nghiệm - Model: SO4204-9D (Đức)	Bộ	1
50	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp 4 sợi- Model: SO4204-9F (Đức)	Bộ	1
51	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp quang học - Model: SO4204-9E (Đức)	Bộ	1
52	Mô đun thực hành thí nghiệm truyền thông - Model: SO4204-9A (Đức)	Bộ	1
53	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	2
54	Mô hình lựa chọn sản phẩm theo kích thước	Bộ	6
55	Xử lý mạch thu AM và cao tần HF, xử lý mạch khuếch đại AM IF, LF - Model: SO4204-9N (Đức)	Bộ	1
56	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	10
57	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	3
58	Ampe kềm	Cái	2
59	Ampli 1000W	Cái	1
60	Bảng nhôm thực tập	Cái	5
61	Bộ Cle	Cái	1
62	Bộ khóa lục giác	Cái	2
63	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	4
64	Bộ nạp accu 20A	Cái	1
65	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
66	Cây hút chì	Cái	15
67	Đế gác mỏ hàn	Cái	13
68	Động cơ các loại	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
69	Đồng hồ các loại	Cái	71
70	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	2
71	Kềm các loại	Cái	88
72	Khoan bàn	Cái	3
73	Khoan cầm tay Bosch	Cái	1
74	Khung cửa tay	Cái	2
75	Kìm dẹp	Cái	15
76	Loa 1000W	Cặp	2
77	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
78	Máy nén khí	Cái	4
79	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	70
80	Nhíp	Cái	30
81	Súng hút chì	Cây	5
82	Switch 8 port 10/100Mhz	Cái	1
83	Thiết bị đo 10:1/1:1 - Model: LM 9036	Bộ	2
84	Thuốc cặp	Cái	7
85	Tuocnovit	Cái	79
86	Thực tập khí nén	Cái	2
	Phòng thí nghiệm máy điện		
87	Bộ chuyển đổi nguồn điện tự động ATS	Bộ	2
88	Mô hình tủ bù đa cấp cho lưới phân phối hạ thế - Mã số 09T - TN21	Cái	1
89	Tủ cung cấp có BV	Cái	2
90	Tủ điện dùng để thực tập cung cấp điện	Bộ	3
91	Tủ thực tập cung cấp điện	Tủ	1
92	Máy dập khuôn (loại nhỏ)	Cái	1
93	Mô hình thang máy	Cái	3
94	Mô hình điều khiển thiết bị điện trong khách sạn	Cái	2
95	Mô hình đóng nút chai tự động	Cái	2
96	Mô hình mở cửa tự động	Cái	1
97	Bộ thí nghiệm VXL 8952 (có nạp chương trình)	Bộ	3
98	Kít điều khiển các máy bằng điện tử - 1 bài tập EEC476	Bộ	1
99	Máy hiện sóng 25Mhz	Cái	5
100	Bảng nhôm thực tập khí nén	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
101	Bảng thí nghiệm viễn thông S04203	Bảng	120
102	Bộ nạp EPROM	Cái	5
103	Bộ nạp trình vi xử lý kit nạp vi xử lý	Cái	1
104	Kit nạp EPROM	Cái	1
105	Kit nạp vi xử lý	Cái	1
106	Kit thực hành nạp và chạy chương trình họ VĐK	Cái	1
107	Kit thực tập vi xử lý	Bộ	2
108	Biến thế nguồn (L11+L12)	Cái	32
109	Máy phát âm tần GF-596 (L12)	Cái	6
110	Tay máy	Cái	1
	Phòng Thực tập điện khí nén		
111	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	3
112	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	11
113	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
114	Máy đèn chiếu xách tay AZZA HM - 26F (Malaysia) + màn hình hộp Dalite 64"x48"(USA)	Bộ	1
115	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	1
116	Đồng hồ đo điện trở đất (số) Kyoritsu 4105	Cái	1
117	Ampere kèm dạng kim 2608 Kyoritsu	Cái	1
118	Bảng nhôm 800x860	Cái	8
119	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
120	Đầu ghi DVD External ASUS (Taiwan)	Cái	1
121	Đồng hồ đo Vom dạng kim 360 Sanwa	Cái	1
122	Máy nén khí 1/2HP	Cái	2
123	Máy nén khí Puma 1HP (Taiwan)	Cái	3
	Phòng Thực tập Điện tử máy tính		
124	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	27
125	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	10
126	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
127	Hệ thống mạng: 1 cái switch 16 ports base 10/100/1000	Ht	1
128	Tivi màu LCD Toshiba 42" - A3000E	Cái	1
129	17 USE (truy cập vào máy chủ - License)(nằm theo máy)	Cái	17

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
130	Đồng hồ VOM kim	Cái	4
131	Kềm các loại	Cái	29
132	Khung cửa tay	Cái	1
133	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
	Phòng Thực tập điện máy CNC		
134	Hệ thống khí nén: Máy nén khí Puma 3HP + Máy sấy khí Lode star 5HP	Bộ	1
135	Máy cắt sắt Makita (Japan)	Cái	1
136	Máy lạnh Panasonic 2HP - PC18MKF 2khối	Bộ	1
137	Máy nạp EPROM LABTOOL 148C (Nhật)	Cái	1
138	Máy tiện dạy học có tích hợp bộ mạch điện tìm lỗi, điều khiển bằng hệ Fanuc Oi Mate - hãng MTS	Bộ	1
139	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	8
140	Mô hình máy phay CNC	Cái	1
141	Phần cơ khí máy tiện CNC dùng bộ điều khiển SZGH1000TDC	Bộ	1
142	Tủ điều khiển máy tiện CNC dùng bộ điều khiển SZGH1000TDC	Bộ	1
143	Ổn áp 30KVA-380V - Chenshin	Cái	1
144	Bộ chìa khóa 8 - 24 mm	Cây	9
145	Bộ cle vòng miệng (8 - 24)	Cây	28
146	Đầu ghi DVD External ASUS (Taiwan)	Cái	1
147	Đồng hồ đo Vom dạng số CD800 Sanwa	Cái	1
148	Đồng hồ so cấp chính xác 1/1000 Mitutoyo	Cái	1
149	HDD Box 525	Cái	1
150	Khoan bàn 8T (Taiwan)	Cái	1
151	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	4
152	Lục giác (hệ MT) King Tony	Bộ	2
153	Máy hàn điện 220V/200A	Cái	1
154	Máy hút bụi National MC4960-1500W/220V	Cái	1
155	Máy khoan bàn 13 ly Professional (ĐL)	Cái	1
156	Máy mài cầm tay	Cái	1
157	PLC Lugo 250RE	Cái	1
158	Thước cặp điện tử 1.5T	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng Thực tập đo lường cảm biến		
159	Bộ thí nghiệm cảm biến	Bộ	9
160	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	2
161	Bộ thí nghiệm VĐK 8952	Bộ	1
162	Hệ thống nguồn ALU 110. Gồm:	Bộ	
163	- Khối nguồn xoay chiều AC ST 7005-2C-V		17
164	- Khối panel chống rỗng ST 7005- 4T -V	Bộ	34
165	- Ổ cắm lấy nguồn ra ST 7005- 2G- V	Bộ	17
166	- Tấm ALU 990mm ST 7005- cover	Bộ	17
167	Hệ thống mạng (8 máy)	Ht	1
168	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
169	Máy chiếu overhead Sunheamg + màn hình treo 70"	Bộ	1
170	Ampe kềm	Cái	2
171	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	8
172	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	2
173	Bộ điều khiển tốc độ vô cấp	Bộ	1
174	Bộ hàn chíp	Bộ	1
175	Bộ khóa lực giác	Cái	1
176	Bộ kiểm tra mức OMRON (cảm biến từ)	Cái	2
177	Bộ kiểm tra mức OMRON (kiểm tra nhiệt độ)	Cái	2
178	Bộ kiểm tra OMRON 61F -G2	Cái	2
179	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	4
180	Cảm biến nhiệt độ OMRON	Cái	2
181	Cảm biến nhiệt độ OMRON 61F	Cái	2
182	Cảm biến nhiệt độ OMRON E52 MY-PTC	Cái	2
183	Cảm biến OMRON NY-PTC (MY - PTC)	Cái	2
184	Cây hút chì	Cây	10
185	Đầu đĩa AR 36G	Cái	1
186	Đầu DVD SONY	Cái	4
187	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
188	Digital multimeter EDM4760 (Korea)	Cái	1
189	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
190	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
191	Đồng hồ các loại	Cái	63
192	Giá treo tivi	Cái	1
193	Kềm các loại	Cái	26
194	Khoan bàn 8T	Cái	1
195	Khoan bàn nhỏ 3 tấn	Cái	1
196	Kít nạp EPROM	Cái	2
197	Kít thực tập vi xử lý	Cái	2
198	Loa thùng	Cặp	3
199	Màn hình cảm biến	Cái	2
200	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
201	Máy mài tay Bosch	Cái	1
202	Máy phát sóng âm tần AG-2601A	Cái	1
203	Máy phát sóng RF SG-4160B	Cái	1
204	Máy phát tần số	Cái	1
205	Mixer	Cái	1
206	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	61
207	Nhíp lớn	Cái	15
208	Oscilloscope PS251	Cái	2
209	Panme điện tử	Cái	1
210	Súng hút chì	Cây	10
211	Tivi màu 5"	Cái	2
212	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
213	Tuocnovit	Cái	87
	Phòng thực tập kỹ thuật xung số		
214	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	15
215	Thí nghiệm PLC OMRON -C200	Bộ	4
216	Simantic S7-300 gồm: - Trappic + PC Adaptor + Step 7V51 software + Manual S7-300 + Manual 312 IFM, 314 IFM + Documentation package step 7 + Máy vi tính Tudel PIII	Bộ	1
217	Tủ điều khiển	Cái	5
218	Tủ điện PLC	Cái	10
	Phòng thực tập tự động hóa		
219	Bàn lắp đặt hệ thống (ST 7200 -3T)	Bộ	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
220	Bộ nguồn 3pha cho hệ thống Unitrain -I (SO4203 -2D)	Bộ	7
221	Các ống dẫn và bộ phụ kiện cho hệ cơ điện tử (LM9670)	Bộ	1
222	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
223	Máy nén khí chống ồn dưới 45db(SE2902 -9L)	Bộ	1
224	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	5
225	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
226	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	11
227	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	4
228	Mô hình Inverter T2010-TN12	Bộ	1
229	Phụ kiện cho toàn hệ thống (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	1
230	Trạm băng chuyển hoạt động bằng động cơ AC (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
231	Trạm băng chuyển hoạt động bằng động cơ DC (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	1
232	Trạm kiểm tra (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
233	Trạm lắp ráp (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
234	Trạm lưu kho (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
235	Trạm sắp xếp (phân loại) (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
236	Trạm tháo gắp phôi dùng robot (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
237	Trạm vận chuyển (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
238	Trạm xử lý (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
239	Ampe kềm	Cái	1
240	Cây hút chì	Cái	10
241	Đồng hồ[	Cái	35
242	Kềm bấm tán livê	Cái	1
243	Kềm nhọn EU 95-115	Cái	5
244	Khung cửa tay	Cái	1
245	Kìm dẹp	Cái	20

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
246	Máy hút bụi 1600W	Cái	1
247	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP (Taiwan)	Cái	1
248	Tuocnovit	Cây	40
	Phòng Thực tập Vi xử lý		
249	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	79
250	Bộ thí nghiệm VXL kit Z80	Bộ	10
251	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	6
252	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
253	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	6
254	Bảng giao tiếp bảng chữ màu	Cái	2
255	Bảng giao tiếp đèn công suất	Cái	2
256	Bảng giao tiếp đèn giao thông	Cái	2
257	Bảng giao tiếp rolay thời gian	Cái	2
258	Bộ nạp trình vi xử lý kit nạp vi xử lý	Cái	4
259	Bộ thí nghiệm VXL (có nạp chương trình)	Bộ	2
260	Mô hình giao tiếp bảng chữ màu	Cái	2
261	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
262	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	3
263	Mô hình mạch giao tiếp công suất	Cái	3
264	Mô hình mạch role thời gian	Bộ	2
265	Kít nạp EPROM	Cái	6
266	Kít thực tập vi xử lý	Cái	6
	Phòng SCHNEIDER - Dự án		
267	Hộp điện dân dụng	Bộ	3
268	Hộp điện nối đất	Bộ	3
269	Bộ khởi động động cơ - cơ bản	Bộ	12
270	Máy chiết nước chạy bằng năng lượng mặt trời	Bộ	2
271	Máy năng lượng mặt trời	Bộ	2
272	Máy năng lượng mặt trời không kết nối lưới - cấu trúc quang điện	Bộ	2
273	Bộ khởi động động cơ Tesys	Bộ	4
274	Bộ khởi động	Bộ	4
275	Máy năng lượng mặt trời - cấu trúc quang điện	Bộ	2
276	Hệ thống tự động M241 PLC PACK với màn hình và ổ đĩa	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
277	Bảng điều khiển M340 với HDMI STU	Bộ	2
278	Phần nâng hạ	Bộ	1
279	Nâng phần điều khiển bằng TWIDO	Bộ	1
280	Xử lý bề mặt hoạt động	Bộ	1
281	Bộ phận điều khiển bề mặt M340	Bộ	1
282	Thảm nhựa	Cái	200
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 1		
283	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
284	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện một chiều EM-600-DC	Bộ	8
285	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 1 pha EM-600-1P	Bộ	8
286	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 3 pha EM-600-3P	Bộ	8
287	Đồng hồ MegaOhm dạng số Kyoritsu 3007A	Cái	4
288	Đồng hồ xác định thứ tự pha Kyoritsu 8035	Cái	3
289	Máy phát sóng âm tần Pintek FG-32	Cái	2
290	Osiloscope	Cái	4
291	Ampere kềm dạng hiển thị kim (K2608A)	Cái	10
292	Ampere kềm dạng số	Cái	10
293	Đồng hồ đo áp AC 300V	Cái	60
294	Đồng hồ đo áp DC 30V	Cái	60
295	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	62
296	Đồng hồ đo tần số	Cái	2
297	Đồng hồ đo Vom	Cái	44
298	Đồng hồ MegaOhm dạng kim	Cái	5
299	Mạch đo gián tiếp LC	Cái	1
300	Mô hình dàn trải mạch chỉnh lưu	Cái	3
301	Mô hình khởi động sao tam giác	Cái	1
302	Mô hình mạch điều khiển dùng khởi động từ	Cái	12
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 2		
303	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
304	Các thiết bị phụ trợ cho phần nguyên lý CB và biến áp	Bộ	1
305	Thiết bị dòng điện 3 pha TG 1.2	Bộ	1
306	Thiết bị mạch cơ bản, các định luật, thành phần TG1.1	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
307	Động cơ AC 1 pha	Bộ	1
308	Động cơ AC 3 pha	Bộ	1
309	Động cơ AC 3 pha 300W gồm: - 1 bộ thiết bị panel thí nghiệm cho máy điện 3 pha -300W - 1 bộ thiết bị máy điện lắc 300W - 1 bộ máy điện 3 pha-300W	Bộ	1
310	Động cơ DC	Bộ	1
311	Động cơ DC gồm: - 1 bộ máy điện DC quấn dây nối tiếp + 1 bộ thiết bị thí nghiệm cho máy điện DC 300W)	Bộ	1
312	Thiết bị máy điện TG 2	Bộ	1
313	Thiết bị phụ trợ cho thí nghiệm máy điện công nghiệp	Bộ	1
314	Đồng hồ đo điện trở đất dạng kim Kyoritsu 4102A (TL)	Cái	2
315	Đồng hồ đo điện trở đất dạng số Kyoritsu 4105AH (TLan)	Cái	2
316	Đồng hồ đo tốc độ quay động cơ dạng số Kyoritsu 5601	Cái	1
317	Búa nguội	Cái	2
318	Công tơ điện 3 pha 220V	Cái	15
319	Động cơ KĐB 3 đầu ra - 1 pha	Cái	3
320	Đồng hồ cos đa năng 307	Cái	5
321	Kèm bấm đầu cos WF 2C 0.5~2.5	Cái	2
322	Kèm các loại	Cây	18
323	Máy hút bụi - National	Cái	1
324	Mô hình cắt động cơ điện 3 pha (sống)	Cái	4
325	Mô hình cắt máy động cơ 1 pha	Cái	4
326	Mô hình cắt máy động cơ 3 pha (chết)	Cái	3
327	Mô hình cắt máy phát điện 1 pha (chết)	Cái	4
328	Mô hình động cơ điện	Cái	1
329	Bảng thí nghiệm điện	Cái	12
	Phòng Thực tập Điện cơ bản 1		
330	Đồng hồ đo điện trở đất (kim) 4102	Cái	7
331	Đồng hồ đo điện trở đất các loại	Cái	17
332	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
333	Hệ thống truyền động động cơ KĐB 3 pha	Bộ	2
334	Hệ thống truyền động động cơ DC	Bộ	2
335	Hệ thống truyền động máy phát xoay chiều	Bộ	2
336	Ampere kèm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
337	Búa sắt dạng trung	Cái	15
338	Đồng hồ ampe kèm (kim) 2608	Cái	5
339	Đồng hồ đo hệ số công suất OS	Cái	2
340	Đồng hồ đo Vom (kim) Sanwa 360	Cái	30
341	Kèm các loại	Cái	194
342	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	1
343	Máy nổ Honda	Cái	1
344	Thùng đựng đồ nghề	Cái	3
345	Tuocnovit	Cái	165
346	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
	Phòng Thực tập Điện cơ bản 2		
347	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	9
348	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
349	Ampere kèm	Cái	2
350	Búa sắt dạng trung	Cái	5
351	Đồng hồ các loại	Cái	18
352	Kèm các loại	Cái	64
353	Thang nhôm	Cái	5
354	Thùng đựng đồ nghề	Cái	1
355	Tuocnovit các loại	Cái	66
356	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 1		
357	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	1
358	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	1
359	Bộ xác định thứ tự	Cái	1
360	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	5
361	Tay máy	Cái	2
362	Tay máy ngành điện tử	Cái	1
363	Bàn nguội	Cái	1
364	Bàn quấn dây hiển thị số	Cái	10
365	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
366	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	4
367	Búa (CL) (búa sắt)	Cái	6

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
368	Búa cao su	Cái	30
369	Cảo bạc đạn	Cái	2
370	Cle 8-22	Bộ	4
371	Động cơ 3 pha - 1.5KW	Cái	12
372	Động cơ điện 3 pha	Cái	23
373	Động cơ không đồng bộ 1 pha	Cái	10
374	Đồng hồ Ampe kèm (kim) 2608	Cái	5
375	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
376	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	1
377	Đồng hồ VOM 360	Cái	6
378	Etô khoan bàn	Cái	1
379	Kềm	Cái	18
380	Khung cửa tay (cửa sắt)	Cái	2
381	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
382	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	4
383	Panme	Cái	5
384	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
385	Tuocnovit	Cái	22
386	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
387	Tay máy	Cái	1
388	Tay máy robot (dùng khí nén RBO-1)	Cái	1
389	Máy quấn dây	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 2		
390	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	2
391	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	2
392	Đồng hồ đo Megaohm (kim) 3005 Kyoritsu	Cái	5
393	Bàn nguội	Cái	4
394	Bàn quấn dây hiện số	Cái	30
395	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
396	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	6
397	Búa cao su	Cái	35
398	Búa sắt dạng trung	Cái	7
399	Cảo 3 chấu	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
400	Cle (CL)	Cái	5
401	Cle 8-22	Bộ	6
402	Động cơ 1 pha 1/2HP	Cái	30
403	Động cơ DC (CL)	Cái	10
404	Động cơ điện 1 pha	Cái	10
405	Đồng hồ Ampe kèm (kim) 2608	Cái	5
406	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
407	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	3
408	Đồng hồ VOM 360	Cái	5
409	Etô khoan bàn	Cái	1
410	Kềm các loại	Cái	26
411	Kéo cắt điện cầm tay	Cái	1
412	Khung cửa tay (cửa sắt)	Cái	2
413	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
414	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
415	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	6
416	Panme	Cái	8
417	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
418	Tuocnovit (CL)	Cái	22
419	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
	Phòng Scada 1		
420	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
421	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
422	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
423	Bộ đào tạo Scada quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
424	Bộ đào tạo Scada quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
425	Cáp CC-Link, MELSECNET + RJ45 HUB Switch	Bộ	1
426	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
427	Máy chiếu overhead Visual - ART	Cái	1
428	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	3
429	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
430	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
431	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
432	Ampe kèm	Cái	1
433	Bộ hàn chíp	Bộ	1
434	Cây hút chì	Cây	10
435	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
436	Đồng hồ VOM	Cái	27
437	Kèm các loại	Cái	29
438	Khung cưa tay	Cái	1
439	Màn hình cảm biến	Cái	2
440	Máy khoan bàn	Cái	1
441	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
442	Máy mài tay Bosch	Cái	1
443	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	2
444	Máy phát tần số	Cái	1
445	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	35
446	Nhíp lớn	Cái	8
447	Panme điện tử	Cái	1
448	Súng hút chì	Cây	10
449	Thước cặp	Cái	1
450	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
451	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
452	Tuocnovit	Cái	40
	Phòng Scada 2		
453	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
454	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
455	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
456	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
457	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
458	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
459	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
460	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
461	Mô hình đóng nắp hộp tự động (mã số T2010-N13)	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
462	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
463	Mô hình phân loại sản phẩm bằng tay gấp 09T-TN03	Bộ	1
464	Phần mềm MCWorks 64 Mitsubishi SW1DND-MCWDV-ET500	PM	1
465	Phần mềm GXWorks và GTWorks Mitsubishi SW4D5C-QSET-E Mitsubishi SW2D5C-GTWK2-E	PM	1
466	Ampe kèm	Cái	1
467	Bộ Cle	Cái	1
468	Bộ khóa lục giác	Cái	1
469	Bộ thí nghiệm cảm biến (CB quang + tiệm cận)	Bộ	1
470	Cây hút chì	Cây	8
471	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
472	Đồng hồ VOM hiện số	Cái	18
473	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	1
474	Kèm	Cây	25
475	Khung cửa tay	Cái	1
476	Màn hình cảm biến	Cái	1
477	Máy khoan Proskit - PK	Bộ	1
478	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP (Taiwan)	Cái	3
479	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
480	Nhíp	Cái	8
481	Súng hút chì	Cây	10
482	Thước cặp	Cái	2
483	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
484	Tuocnovit	Cái	40
485	Máy quấn dây CPH-OSMIT	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 1		
486	Bộ thí nghiệm động cơ servo	Bộ	2
487	Dao động ký (Oscilloscope)	Cái	1
488	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
489	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	5
490	Mô hình bến đậu xe	Bộ	1
491	Ổn áp 110A -10KVA 3 pha-380V	Cái	1
492	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
493	Máy giặt cơ	Cái	1
494	Máy khô IC	Cái	2
495	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	2
496	Tủ điện sơn tĩnh điện (1000x800x250) dày 1.5mm	Cái	5
497	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
498	Ocsilloscope Pintex-PS200-20MGz	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 2		
499	Bộ nguồn 1 pha sử dụng năng lượng mặt trời T2010- TN10	Bộ	1
500	Bộ thí nghiệm điều khiển động cơ servơ	Bộ	1
501	Bộ thí nghiệm được điều khiển từ xa dùng sóng hồng ngoại	Bộ	1
502	Máy tiện CNC loại để bàn Concepr Turn - hãng EMCO CT55	Bộ	1
503	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	12
504	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	2
505	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	1
506	Tủ điều khiển máy tiện CNC (Mã số ĐT 2015 - TN01)	Cái	1
507	Ampli Belco - BA501 + cặp loa Polocko 99 220V	Cái	1
508	Bảng quang báo sử dụng 9822	Cái	1
509	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	2
510	Cle 8-22	Bộ	1
511	Kèm các loại	Cái	12
512	Khoan bàn 8T	Cái	1
513	Khoan tay Bosch - GSB 10RE (Malaysia)	Cái	1
514	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
515	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
516	Mô hình cánh tay hoạt động được AMR-5RC + chương trình AMR- 5RC và tài liệu	Bộ	1
517	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
518	Tivi màu Sony 25" XA-25 M80A	Cái	1
519	Tuocnovit pake	Cái	18
520	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
	Phòng thực tập điện tử công suất 1		
521	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
522	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
523	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
524	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	5
525	Tủ động lực dùng kết nối phần công suất cho PLC và VDK	Tủ	2
526	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC, VDK	Cái	4
527	Ampe kèm	Cái	1
528	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	1
529	Bảng thí nghiệm L	Cái	8
530	Bảng thí nghiệm OP-TO	Cái	5
531	Bảng thí nghiệm R	Cái	8
532	Bảng thí nghiệm SCR	Cái	8
533	Bảng thí nghiệm Transitor	Cái	5
534	Bảng thí nghiệm Triac	Cái	12
535	Biến tần OMRON	Cái	4
536	Bình accu 60A	Cái	1
537	Bộ khóa cửa (mã số điện tử)	Bộ	1
538	Bộ mã hóa xung vòng quay E6A2	Bộ	5
539	Bộ thí nghiệm Inverter	Bộ	10
540	Cây hút chì	Cái	7
541	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
542	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	4
543	Đồng hồ VOM	Cái	23
544	Kèm các loại	Cái	30
545	Khoan bàn nhỏ 3 tốc	Cái	2
546	Khung cửa tay	Cái	1
547	Máy phát tần số	Cái	1
548	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
549	Mô tơ 2 tốc độ - 1HP	Cái	1
550	Mô tơ 3 pha - 1HP	Cái	1
551	Mô tơ giảm tốc 1.5HP	Cái	1
552	Nhíp lớn	Cái	8
553	Ocsilloscope PS251	Cái	2
554	Tivi màu 5"	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
555	Tuocnovit	Cái	44
556	Tủ điện điều khiển biến tần	Cái	3
557	Tủ điện tử CN	Cái	6
	Phòng thực tập điện tử công suất 2		
558	Bài tập điện tử công suất	Bộ	5
559	Bài tập máy điện 3 pha	Bộ	1
560	Bộ bài tập điện, điện tử phòng multimedia gồm: 1) 17 Vali bài KT điện 1: Công nghệ DC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 2) 17 Vali bài KT điện 2: Công nghệ AC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 3) 17 Vali bài KT điện tử 1: Các thành phần bán dẫn (Mỗi vali có 3 bo + 1	Bộ	1
561	Bộ giao tiếp phòng Multimedia gồm (dùng cho 17 bộ): 1) 17 bộ giao tiếp. Linh kiện kèm theo: + 17 đĩa CD cài đặt + 17 bộ cáp máy tính (hoặc giao tiếp) + 17 bộ nguồn + 17 dây nguồn + Tài liệu 2) 34 bộ thí nghiệm 3) 17 bộ dây nối 2mm 4) 170 dây n	Bộ	17
562	Bộ thí nghiệm điện tử công suất	Bộ	1
563	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	2
564	Bộ thí nghiệm VXL 8952	Bộ	13
565	HDD server 36GB	Cái	1
566	Hệ thống mạng gồm:- Lan card compex 10/100base + Switch 10/100 16 port + AMP pathpanel 24 port + Boot rom + Connector RJ43 + Boot colour + Route ISDN 10/100 MPS RJ45 + 19" wall mounted rack	Ht	1
567	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
568	Máy vi tính IBM - Series 225 server 8647-3AX	Bộ	1
569	Microsoft - windows 2003 server advance(License)	Bộ	1
570	Nguồn mở rộng Unitrain	Bộ	5
571	Tủ điện - ĐTCN (Tủ TT. Điện tử CN)	Cái	2
572	Tủ điện động lực - Điện CN	Cái	2
573	Tủ thực tập điện tử công nghiệp	Bộ	2
574	Bộ điều khiển động cơ servơ R7D-AP	Bộ	5
575	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8951(kít thí nghiệm)	Cái	2
576	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8952	Bộ	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
577	HDD (máy con) 40GB	Cái	2
578	Headphone Nansin NS-880MV	Cái	15
579	Headphone Somic SM-880	Cái	17
580	Thí nghiệm vi điều khiển gồm: - Vali cách điện mạch 8051 + Dây nguồn.	Bộ	2
581	Tủ điện tử CN	Cái	4
	Phòng thực tập trang bị điện 1		
582	Động cơ không đồng bộ 3 pha, điện áp 380/660V, 1.5 HP, 1.450v/p	Cái	8
583	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2 cấp tốc độ Δ/YY , 1.5 HP, tốc độ thấp: 1500v/p, tốc độ cao: 3000v/p	Cái	8
584	Mô hình mạch máy khoan	Bộ	1
585	Mô hình mạch máy mài	Bộ	1
586	Mô hình mạch máy phay	Bộ	1
587	Tủ mạch điện máy tiện 1.6E20	Bộ	1
588	Ampere kèm	Cái	2
589	Ampere kèm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
590	Bầu khoan máy	Cái	2
591	Chân tủ điện	Cái	5
592	Động cơ 3pha 1/2HP 36 rãnh	Cái	30
593	Đồng hồ đo cos	Cái	2
594	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	2
595	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	34
596	Đồng hồ đo $M\Omega$	Cái	2
597	Đồng hồ đo $M\Omega$ Kyoritsu	Cái	1
598	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	2
599	Kèm các loại	Cái	10
600	Máy mài cầm tay	Cái	2
601	Mô hình tủ điện điều khiển	Cái	12
602	Mỏ lét cỡ trung 12"	Cái	3
603	Mô tơ 1.5HP, 3 pha	Cái	10
604	Panme	Cái	1
605	Tủ điện + bàn (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
606	Tuocnovit	Cây	126

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng thực tập trang bị điện 2		
607	Tủ sắt 860 x 660 x 200 dày 1.5mm	Cái	5
608	Tủ điện điều khiển (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
609	Tủ trang bị điện	Cái	10
	Phòng Thực tập Mạch điện tử 1		
610	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
611	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
612	Ampe kềm	Cái	1
613	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
614	Bộ khóa lục giác	Cái	1
615	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	1
616	Cây hút chì	Cái	19
617	Đế gác mỏ hàn	Cái	10
618	Đồng hồ Vom	Cái	69
619	Kềm các loại	Cái	34
620	Khoan bàn 8T	Cái	1
621	Khoan bàn nhỏ 3 tác	Cái	1
622	Khung cửa tay	Cái	1
623	Kìm dẹp	Cái	15
624	Loa thùng	Cặp	1
625	Mixer	Cái	1
626	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	21
627	Nhíp lớn	Cái	8
628	Panme điện tử	Cái	1
629	Súng hút chì	Cây	1
630	Tivi màu 5"	Cái	2
631	Tivi màu Toshiba 20"	Cái	1
632	Tuocnovit	Cái	75
	Phòng Thực tập mạch điện tử 2		
633	Khoan bàn 8T	Cái	2
634	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
635	Bàn nguội	Cái	1
636	Mô hình role thời gian	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
637	Mô hình điều khiển chữ 3 màu	Bộ	1
638	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
639	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	1
640	Mô hình mạch giao tiếp đèn	Bộ	2
641	Mô hình mạch role thời gian	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 16 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Phạm Huy Hoàng	Kỹ sư Công nghệ KT Điện - Điện tử	SP dạy nghề		TT PLC	2

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Thiều Quang Huy	Kỹ sư - CN Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	TN ĐHSP Kỹ thuật		TT Vi xử lý	180
2	Nguyễn Đức Hiền	Kỹ sư - CN Kỹ thuật Điện tử tự động	TN ĐHSP Kỹ thuật		TT Điện tử công nghiệp	240
3	Phan Thanh Nhi	Thạc sĩ – Kỹ thuật Điện tử	CC Đào tạo theo tín chỉ		Cung cấp điện	150
4	Hoàng Thị Huyền Trang	Kỹ sư – Điện khí hóa và cung cấp điện	TN ĐHSP Kỹ thuật		TT máy điện	180

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
5	Hoàng Đình Phương	Kỹ sư - Kỹ thuật Điện – Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập tốt nghiệp	150
6	Trần Vương Linh	Kỹ sư - CN Điện tử viễn thông	TN ĐHSP Kỹ thuật		Cung cấp điện	150
7	Trần Vũ Quỳnh Lâm	Kỹ sư - Kỹ thuật Điện – Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		TT máy điện	180
8	Lâm Hoàng Cát Tiên	Kỹ sư - CN Kỹ thuật Điện - Điện tử	CC NVSP		Điện tử tương tự	150
9	Võ Minh Tuấn	Kỹ sư - CN Kỹ thuật Điện - Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		TT Trang bị điện	180
10	Nguyễn Chí Cường	Kỹ sư - CN Kỹ thuật Điện - Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		Điện tử tương tự	180
11	Nguyễn Thanh Lâm	Kỹ sư - CN Kỹ thuật Điện - Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		TT Đo lường và cảm biến	180
12	Nguyễn Đình Tuấn Kiệt	Kỹ sư - CN Kỹ thuật Điện - Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		TT Tự động hóa quá trình công nghệ	60
13	Trần Minh Khoa	Thạc sĩ – Kỹ thuật điện tử	CC NVSP dành cho GV ĐHCĐ		An toàn điện	150
14	Nguyễn Khánh Toàn	Kỹ sư – Điện – Điện tử viễn thông			Đồ án học phần 1	30
15	Lương Thanh Bằng	Kỹ sư - CN Kỹ thuật Điện - Điện tử	CC NVSP		TT Kỹ thuật số	120

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

• Thời gian đào tạo: 2 năm

• Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

• Thời gian đào tạo: 1 năm

• Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

II. Ngành, nghề: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 140 sinh viên

– Trung cấp: 60 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 15 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng Thực tập PLC1		
1	Bộ điều khiển khả trình PLC	Bộ	2
2	Bộ thí nghiệm vi điều khiển	Bộ	2
3	Máy vi tính P4 -3.2GHz	Bộ	2
4	Bộ thí nghiệm kỹ thuật số	Bộ	60
5	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung	Bộ	20
6	Đồng hồ đo MΩ	Cái	1
7	Đồng hồ VOM kim	Cái	2
8	Màn hình cảm ứng	Bộ	1
9	Máy khoan Makita	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
10	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC và VDK	Bộ	1
11	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	6
12	Bộ thực hành PLC S7-1200 TPA 71200	Bộ	8
13	Module Profinet mở rộng TPA 30024	Bộ	6
	Phòng Thực tập PLC2		
14	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	34
15	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
16	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
17	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
18	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	7
19	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
20	Tủ điều khiển hệ thống xử lý nước thải T2010-N11	Cái	1
21	Cây hút chì	Cái	10
22	Động cơ các loại	Cái	2
23	Đồng hồ các loại	Cái	11
24	Kèm các loại	Cái	18
25	Loa thùng	Cặp	1
26	Máy khoan bàn	Cái	1
27	Mixer	Cái	1
28	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	10
29	Nhíp các loại	Cái	8
30	Tuocnovit pake	Cây	40
	Phòng thực tập Điện tử viễn thông		
31	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	7
32	Bộ thí nghiệm PLC	Bộ	12
33	Bộ thí nghiệm tổng đài LG 102 (Korea)	Cái	2
34	Đồng hồ vạn năng hiển thị số, tần số 10MHz- Model: LM 2006	Bộ	1
35	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông ASK, FSK, PSK- Model: SO4204-9L (Đức)	Bộ	1
36	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PAM/PCM - Model: SO4204-9J (Đức)	Bộ	1
37	Dụng cụ biến điệu và giải biến truyền thông PTM - Model: SO4204-9K (Đức)	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
38	Dụng cụ biến điệu, giải biến AM/FM - Model: SO4204-9M (Đức)	Bộ	1
39	Dụng cụ đo và kết nối - Model: SO4203-2J (Đức)	Bộ	11
40	Dụng cụ thực hành ăngten - Model: SO4204-9W (Đức)	Bộ	1
41	Hệ thống mạng	HT	1
42	Khối giao diện UNITRAIN I- Model: SO4203-2A (Đức)	Bộ	11
43	Khối mô đun kết nối - Model: SO4203-2B (Đức)	Bộ	22
44	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	2
45	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	5
46	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	6
47	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	3
48	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
49	Mô đun thí nghiệm - Model: SO4204-9D (Đức)	Bộ	1
50	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp 4 sợi- Model: SO4204-9F (Đức)	Bộ	1
51	Mô đun thực hành thí nghiệm cáp quang học - Model: SO4204-9E (Đức)	Bộ	1
52	Mô đun thực hành thí nghiệm truyền thông - Model: SO4204-9A (Đức)	Bộ	1
53	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	2
54	Mô hình lựa chọn sản phẩm theo kích thước	Bộ	6
55	Xử lý mạch thu AM và cao tần HF, xử lý mạch khuếch đại AM IF, LF - Model: SO4204-9N (Đức)	Bộ	1
56	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	10
57	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	3
58	Ampe kềm	Cái	2
59	Ampli 1000W	Cái	1
60	Bảng nhôm thực tập	Cái	5
61	Bộ Cle	Cái	1
62	Bộ khóa lục giác	Cái	2
63	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	4
64	Bộ nạp accu 20A	Cái	1
65	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
66	Cây hút chì	Cái	15

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
67	Đế gác mỏ hàn	Cái	13
68	Động cơ các loại	Cái	2
69	Đồng hồ các loại	Cái	71
70	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	2
71	Kèm các loại	Cái	88
72	Khoan bàn	Cái	3
73	Khoan cầm tay Bosch	Cái	1
74	Khung cửa tay	Cái	2
75	Kìm dẹp	Cái	15
76	Loa 1000W	Cặp	2
77	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
78	Máy nén khí	Cái	4
79	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	70
80	Nhíp	Cái	30
81	Súng hút chì	Cây	5
82	Switch 8 port 10/100Mhz	Cái	1
83	Thiết bị đo 10:1/1:1 - Model: LM 9036	Bộ	2
84	Thước cặp	Cái	7
85	Tuocnovit	Cái	79
86	Thực tập khí nén	Cái	2
	Phòng thí nghiệm máy điện		
87	Bộ chuyển đổi nguồn điện tự động ATS	Bộ	2
88	Mô hình tủ bù đa cấp cho lưới phân phối hạ thế - Mã số 09T - TN21	Cái	1
89	Tủ cung cấp có BV	Cái	2
90	Tủ điện dùng để thực tập cung cấp điện	Bộ	3
91	Tủ thực tập cung cấp điện	Tủ	1
92	Máy dập khuôn (loại nhỏ)	Cái	1
93	Mô hình thang máy	Cái	3
94	Mô hình điều khiển thiết bị điện trong khách sạn	Cái	2
95	Mô hình đóng nút chai tự động	Cái	2
96	Mô hình mở cửa tự động	Cái	1
97	Bộ thí nghiệm VXL 8952 (có nạp chương trình)	Bộ	3
98	Kít điều khiển các máy bằng điện tử - 1 bài tập EEC476	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
99	Máy hiện sóng 25Mhz	Cái	5
100	Bảng nhôm thực tập khí nén	Cái	1
101	Bảng thí nghiệm viễn thông S04203	Bảng	120
102	Bộ nạp EPROM	Cái	5
103	Bộ nạp trình vi xử lý kit nạp vi xử lý	Cái	1
104	Kit nạp EPROM	Cái	1
105	Kit nạp vi xử lý	Cái	1
106	Kit thực hành nạp và chạy chương trình họ VDK	Cái	1
107	Kit thực tập vi xử lý	Bộ	2
108	Biến thế nguồn (L11+L12)	Cái	32
109	Máy phát âm tần GF-596 (L12)	Cái	6
110	Tay máy	Cái	1
	Phòng Thực tập điện khí nén		
111	Bộ linh kiện thí nghiệm khí nén	Bộ	3
112	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	11
113	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	2
114	Máy đèn chiếu xách tay AZZA HM - 26F (Malaysia) + màn hình hộp Dalite 64"x48"(USA)	Bộ	1
115	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	1
116	Đồng hồ đo điện trở đất (số) Kyoritsu 4105	Cái	1
117	Ampere kềm dạng kim 2608 Kyoritsu	Cái	1
118	Bảng nhôm 800x860	Cái	8
119	Bộ thí nghiệm khí nén	Bộ	1
120	Đầu ghi DVD External ASUS (Taiwan)	Cái	1
121	Đồng hồ đo Vom dạng kim 360 Sanwa	Cái	1
122	Máy nén khí 1/2HP	Cái	2
123	Máy nén khí Puma 1HP (Taiwan)	Cái	3
	Phòng Thực tập Điện tử máy tính		
124	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	27
125	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	10
126	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	5
127	Hệ thống mạng: 1 cái switch 16 ports base 10/100/1000	Ht	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
128	Tivi màu LCD Toshiba 42" - A3000E	Cái	1
129	17 USE (truy cập vào máy chủ - License)(nằm theo máy)	Cái	17
130	Đồng hồ VOM kim	Cái	4
131	Kèm các loại	Cái	29
132	Khung cửa tay	Cái	1
133	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	1
	Phòng Thực tập điện máy CNC		
134	Hệ thống khí nén: Máy nén khí Puma 3HP + Máy sấy khí Lode star 5HP	Bộ	1
135	Máy cắt sắt Makita (Japan)	Cái	1
136	Máy lạnh Panasonic 2HP - PC18MKF 2khối	Bộ	1
137	Máy nạp EPROM LABTOOL 148C (Nhật)	Cái	1
138	Máy tiện dạy học có tích hợp bộ mạch điện tìm lỗi, điều khiển bằng hệ Fanuc Oi Mate - hãng MTS	Bộ	1
139	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	8
140	Mô hình máy phay CNC	Cái	1
141	Phần cơ khí máy tiện CNC dùng bộ điều khiển SZGH1000TDC	Bộ	1
142	Tủ điều khiển máy tiện CNC dùng bộ điều khiển SZGH1000TDC	Bộ	1
143	Ổn áp 30KVA-380V - Chenshin	Cái	1
144	Bộ chìa khóa 8 - 24 mm	Cây	9
145	Bộ cle vòng miệng (8 - 24)	Cây	28
146	Đầu ghi DVD External ASUS (Taiwan)	Cái	1
147	Đồng hồ đo Vom dạng số CD800 Sanwa	Cái	1
148	Đồng hồ so cấp chính xác 1/1000 Mitutoyo	Cái	1
149	HDD Box 525	Cái	1
150	Khoan bàn 8T (Taiwan)	Cái	1
151	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	4
152	Lục giác (hệ MT) King Tony	Bộ	2
153	Máy hàn điện 220V/200A	Cái	1
154	Máy hút bụi National MC4960-1500W/220V	Cái	1
155	Máy khoan bàn 13 ly Professional (ĐL)	Cái	1
156	Máy mài cầm tay	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
157	PLC Lugo 250RE	Cái	1
158	Thước cặp điện tử 1.5T	Cái	2
	Phòng Thực tập đo lường cảm biến		
159	Bộ thí nghiệm cảm biến	Bộ	9
160	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	2
161	Bộ thí nghiệm VDK 8952	Bộ	1
162	Hệ thống nguồn ALU 110. Gồm:	Bộ	
163	- Khối nguồn xoay chiều AC ST 7005-2C-V		17
164	- Khối panel chống rỗng ST 7005- 4T -V	Bộ	34
165	- Ổ cắm lấy nguồn ra ST 7005- 2G- V	Bộ	17
166	- Tấm ALU 990mm ST 7005- cover	Bộ	17
167	Hệ thống mạng (8 máy)	Ht	1
168	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
169	Máy chiếu overhead Sunheamg + màn hình treo 70"	Bộ	1
170	Ampe kềm	Cái	2
171	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	8
172	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	2
173	Bộ điều khiển tốc độ vô cấp	Bộ	1
174	Bộ hàn chíp	Bộ	1
175	Bộ khóa lục giác	Cái	1
176	Bộ kiểm tra mức OMRON (cảm biến từ)	Cái	2
177	Bộ kiểm tra mức OMRON (kiểm tra nhiệt độ)	Cái	2
178	Bộ kiểm tra OMRON 61F -G2	Cái	2
179	Bộ thí nghiệm sensor	Bộ	4
180	Cảm biến nhiệt độ OMRON	Cái	2
181	Cảm biến nhiệt độ OMRON 61F	Cái	2
182	Cảm biến nhiệt độ OMRON E52 MY-PTC	Cái	2
183	Cảm biến OMRON NY-PTC (MY - PTC)	Cái	2
184	Cây hút chì	Cây	10
185	Đầu đĩa AR 36G	Cái	1
186	Đầu DVD SONY	Cái	4
187	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
188	Digital multimeter EDM4760 (Korea)	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
189	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
190	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	1
191	Đồng hồ các loại	Cái	63
192	Giá treo tivi	Cái	1
193	Kèm các loại	Cái	26
194	Khoan bàn 8T	Cái	1
195	Khoan bàn nhỏ 3 tác	Cái	1
196	Kít nạp EPROM	Cái	2
197	Kít thực tập vi xử lý	Cái	2
198	Loa thùng	Cặp	3
199	Màn hình cảm biến	Cái	2
200	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
201	Máy mài tay Bosch	Cái	1
202	Máy phát sóng âm tần AG-2601A	Cái	1
203	Máy phát sóng RF SG-4160B	Cái	1
204	Máy phát tần số	Cái	1
205	Mixer	Cái	1
206	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	61
207	Nhíp lớn	Cái	15
208	Oscilloscope PS251	Cái	2
209	Panme điện tử	Cái	1
210	Súng hút chì	Cây	10
211	Tivi màu 5"	Cái	2
212	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
213	Tuocnovit	Cái	87
	Phòng thực tập kỹ thuật xung số		
214	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	15
215	Thí nghiệm PLC OMRON -C200	Bộ	4
216	Simantic S7-300 gồm: - Trappic + PC Adaptor + Step 7V51 software + Manual S7-300 + Manual 312 IFM, 314 IFM + Documentation package step 7 + Máy vi tính Tudel PIII	Bộ	1
217	Tủ điều khiển	Cái	5
218	Tủ điện PLC	Cái	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng thực tập tự động hóa		
219	Bàn lắp đặt hệ thống (ST 7200 -3T)	Bộ	5
220	Bộ nguồn 3pha cho hệ thống Unitrain -I (SO4203 -2D)	Bộ	7
221	Các ống dẫn và bộ phụ kiện cho hệ cơ điện tử (LM9670)	Bộ	1
222	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
223	Máy nén khí chống ồn dưới 45db(SE2902 -9L)	Bộ	1
224	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	5
225	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
226	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	11
227	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHZ	Bộ	4
228	Mô hình Inverter T2010-TN12	Bộ	1
229	Phụ kiện cho toàn hệ thống (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	1
230	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ AC (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
231	Trạm băng chuyền hoạt động bằng động cơ DC (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	1
232	Trạm kiểm tra (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
233	Trạm lắp ráp (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
234	Trạm lưu kho (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
235	Trạm sắp xếp (phân loại) (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
236	Trạm tháo gắp phôi dùng robot (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
237	Trạm vận chuyển (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
238	Trạm xử lý (kèm theo phụ tùng chi tiết đính kèm trong BBGN TSCĐ)	Bộ	2
239	Ampe kềm	Cái	1
240	Cây hút chì	Cái	10
241	Đồng hồ[	Cái	35
242	Kềm bấm tán livê	Cái	1
243	Kềm nhọn EU 95-115	Cái	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
244	Khung cửa tay	Cái	1
245	Kìm dẹp	Cái	20
246	Máy hút bụi 1600W	Cái	1
247	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP (Taiwan)	Cái	1
248	Tuocnovit	Cây	40
	Phòng Thực tập Vi xử lý		
249	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	79
250	Bộ thí nghiệm VXL kit Z80	Bộ	10
251	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	6
252	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	2
253	Máy vi tính Pentium 4 - 3.2GHz	Bộ	6
254	Bảng giao tiếp bảng chữ màu	Cái	2
255	Bảng giao tiếp đèn công suất	Cái	2
256	Bảng giao tiếp đèn giao thông	Cái	2
257	Bảng giao tiếp rolay thời gian	Cái	2
258	Bộ nạp trình vi xử lý kit nạp vi xử lý	Cái	4
259	Bộ thí nghiệm VXL (có nạp chương trình)	Bộ	2
260	Mô hình giao tiếp bảng chữ màu	Cái	2
261	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
262	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	3
263	Mô hình mạch giao tiếp công suất	Cái	3
264	Mô hình mạch rơle thời gian	Bộ	2
265	Kít nạp EPROM	Cái	6
266	Kít thực tập vi xử lý	Cái	6
	Phòng SCHNEIDER - Dự án		
267	Hộp điện dân dụng	Bộ	3
268	Hộp điện nối đất	Bộ	3
269	Bộ khởi động động cơ - cơ bản	Bộ	12
270	Máy chiết nước chạy bằng năng lượng mặt trời	Bộ	2
271	Máy năng lượng mặt trời	Bộ	2
272	Máy năng lượng mặt trời không kết nối lưới - cấu trúc quang điện	Bộ	2
273	Bộ khởi động động cơ Tesys	Bộ	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
274	Bộ khởi động	Bộ	4
275	Máy năng lượng mặt trời - cấu trúc quang điện	Bộ	2
276	Hệ thống tự động M241 PLC PACK với màn hình và ổ đĩa	Bộ	1
277	Bảng điều khiển M340 với HDMI STU	Bộ	2
278	Phần nâng hạ	Bộ	1
279	Nâng phần điều khiển bằng TWIDO	Bộ	1
280	Xử lý bề mặt hoạt động	Bộ	1
281	Bộ phận điều khiển bề mặt M340	Bộ	1
282	Thảm nhựa	Cái	200
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 1		
283	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6
284	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện một chiều EM-600-DC	Bộ	8
285	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 1 pha EM-600-1P	Bộ	8
286	Bộ thực tập - thí nghiệm mạch điện xoay chiều 3 pha EM-600-3P	Bộ	8
287	Đồng hồ MegaOhm dạng số Kyoritsu 3007A	Cái	4
288	Đồng hồ xác định thứ tự pha Kyoritsu 8035	Cái	3
289	Máy phát sóng âm tần Pintek FG-32	Cái	2
290	Osiloscope	Cái	4
291	Ampere kềm dạng hiển thị kim (K2608A)	Cái	10
292	Ampere kềm dạng số	Cái	10
293	Đồng hồ đo áp AC 300V	Cái	60
294	Đồng hồ đo áp DC 30V	Cái	60
295	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	62
296	Đồng hồ đo tần số	Cái	2
297	Đồng hồ đo Vom	Cái	44
298	Đồng hồ MegaOhm dạng kim	Cái	5
299	Mạch đo gián tiếp LC	Cái	1
300	Mô hình dàn trải mạch chỉnh lưu	Cái	3
301	Mô hình khởi động sao tam giác	Cái	1
302	Mô hình mạch điều khiển dùng khởi động từ	Cái	12
	Phòng Thực tập đo lường mạch điện 2		
303	Bàn thí nghiệm TA-10	Cái	6

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
304	Các thiết bị phụ trợ cho phần nguyên lý CB và biến áp	Bộ	1
305	Thiết bị dòng điện 3 pha TG 1.2	Bộ	1
306	Thiết bị mạch cơ bản, các định luật, thành phần TG1.1	Bộ	1
307	Động cơ AC 1 pha	Bộ	1
308	Động cơ AC 3 pha	Bộ	1
309	Động cơ AC 3 pha 300W gồm: - 1 bộ thiết bị panel thí nghiệm cho máy điện 3 pha -300W - 1 bộ thiết bị máy điện lắc 300W - 1 bộ máy điện 3 pha-300W	Bộ	1
310	Động cơ DC	Bộ	1
311	Động cơ DC gồm: - 1 bộ máy điện DC quấn dây nối tiếp + 1 bộ thiết bị thí nghiệm cho máy điện DC 300W)	Bộ	1
312	Thiết bị máy điện TG 2	Bộ	1
313	Thiết bị phụ trợ cho thí nghiệm máy điện công nghiệp	Bộ	1
314	Đồng hồ đo điện trở đất dạng kim Kyoritsu 4102A (TL)	Cái	2
315	Đồng hồ đo điện trở đất dạng số Kyoritsu 4105AH (TLan)	Cái	2
316	Đồng hồ đo tốc độ quay động cơ dạng số Kyoritsu 5601	Cái	1
317	Búa nguội	Cái	2
318	Công tơ điện 3 pha 220V	Cái	15
319	Động cơ KĐB 3 đầu ra - 1 pha	Cái	3
320	Đồng hồ cos đa năng 307	Cái	5
321	Kèm bấm đầu cos WF 2C 0.5~2.5	Cái	2
322	Kèm các loại	Cây	18
323	Máy hút bụi - National	Cái	1
324	Mô hình cắt động cơ điện 3 pha (sóng)	Cái	4
325	Mô hình cắt máy động cơ 1 pha	Cái	4
326	Mô hình cắt máy động cơ 3 pha (chết)	Cái	3
327	Mô hình cắt máy phát điện 1 pha (chết)	Cái	4
328	Mô hình động cơ điện	Cái	1
329	Bảng thí nghiệm điện	Cái	12
	Phòng Thực tập Điện cơ bản 1		
330	Đồng hồ đo điện trở đất (kim) 4102	Cái	7
331	Đồng hồ đo điện trở đất các loại	Cái	17
332	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
333	Hệ thống truyền động động cơ KĐB 3 pha	Bộ	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
334	Hệ thống truyền động động cơ DC	Bộ	2
335	Hệ thống truyền động máy phát xoay chiều	Bộ	2
336	Ampere kèm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
337	Búa sắt dạng trung	Cái	15
338	Đồng hồ ampe kèm (kim) 2608	Cái	5
339	Đồng hồ đo hệ số công suất OS	Cái	2
340	Đồng hồ đo Vom (kim) Sanwa 360	Cái	30
341	Kèm các loại	Cái	194
342	Khung bàn cho hệ truyền động cơ	Cái	1
343	Máy nổ Honda	Cái	1
344	Thùng đựng đồ nghề	Cái	3
345	Tuocnovit	Cái	165
346	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3
	Phòng Thực tập Điện cơ bản 2		
347	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	9
348	Đồng hồ đo Megaohm	Cái	3
349	Ampere kèm	Cái	2
350	Búa sắt dạng trung	Cái	5
351	Đồng hồ các loại	Cái	18
352	Kèm các loại	Cái	64
353	Thang nhôm	Cái	5
354	Thùng đựng đồ nghề	Cái	1
355	Tuocnovit các loại	Cái	66
356	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 1		
357	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	1
358	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	1
359	Bộ xác định thứ tự	Cái	1
360	Đồng hồ đo Megaomh (kim) 3005	Cái	5
361	Tay máy	Cái	2
362	Tay máy ngành điện tử	Cái	1
363	Bàn nguội	Cái	1
364	Bàn quấn dây hiển thị số	Cái	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
365	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
366	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	4
367	Búa (CL) (búa sắt)	Cái	6
368	Búa cao su	Cái	30
369	Cảo bạc đạn	Cái	2
370	Cle 8-22	Bộ	4
371	Động cơ 3 pha - 1.5KW	Cái	12
372	Động cơ điện 3 pha	Cái	23
373	Động cơ không đồng bộ 1 pha	Cái	10
374	Đồng hồ Ampe kèm (kim) 2608	Cái	5
375	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
376	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	1
377	Đồng hồ VOM 360	Cái	6
378	Etô khoan bàn	Cái	1
379	Kềm	Cái	18
380	Khung cửa tay (cửa sắt)	Cái	2
381	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
382	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	4
383	Panme	Cái	5
384	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
385	Tuocnovit	Cái	22
386	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	1
387	Tay máy	Cái	1
388	Tay máy robot (dùng khí nén RBO-1)	Cái	1
389	Máy quấn dây	Cái	1
	Phòng Thực tập máy điện 2		
390	Bàn thí nghiệm động cơ điện	Cái	2
391	Bàn thí nghiệm MBA 3pha	Cái	2
392	Đồng hồ đo Megaohm (kim) 3005 Kyoritsu	Cái	5
393	Bàn nguội	Cái	4
394	Bàn quấn dây hiện số	Cái	30
395	Bộ âm thanh VN gồm: 1 ampli + micro + pin sạc	Bộ	1
396	Bộ xác định thứ tự pha	Bộ	6

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
397	Búa cao su	Cái	35
398	Búa sắt dạng trung	Cái	7
399	Cảo 3 châu	Cái	3
400	Cle (CL)	Cái	5
401	Cle 8-22	Bộ	6
402	Động cơ 1 pha 1/2HP	Cái	30
403	Động cơ DC (CL)	Cái	10
404	Động cơ điện 1 pha	Cái	10
405	Đồng hồ Ampe kèm (kim) 2608	Cái	5
406	Đồng hồ đo MΩ Kyoritsu	Cái	2
407	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	3
408	Đồng hồ VOM 360	Cái	5
409	Etô khoan bàn	Cái	1
410	Kèm các loại	Cái	26
411	Kéo cắt điện cầm tay	Cái	1
412	Khung cửa tay (cửa sắt)	Cái	2
413	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
414	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
415	Mô lét 12" 300mm Asaki	Cái	6
416	Panme	Cái	8
417	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
418	Tuocnovit (CL)	Cái	22
419	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
	Phòng Scada 1		
420	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
421	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
422	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
423	Bộ đào tạo Scada quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
424	Bộ đào tạo Scada quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
425	Cáp CC-Link, MELSECNET + RJ45 HUB Switch	Bộ	1
426	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
427	Máy chiếu overhead Visual - ART	Cái	1
428	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
429	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13
430	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	1
431	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
432	Ampe kèm	Cái	1
433	Bộ hàn chíp	Bộ	1
434	Cây hút chì	Cây	10
435	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
436	Đồng hồ VOM	Cái	27
437	Kềm các loại	Cái	29
438	Khung cửa tay	Cái	1
439	Màn hình cảm biến	Cái	2
440	Máy khoan bàn	Cái	1
441	Máy khoan điện 2 chiều	Cái	1
442	Máy mài tay Bosch	Cái	1
443	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP	Cái	2
444	Máy phát tần số	Cái	1
445	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	35
446	Nhíp lớn	Cái	8
447	Panme điện tử	Cái	1
448	Súng hút chì	Cây	10
449	Thước cặp	Cái	1
450	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
451	Tủ đồ nghề xách tay 110 món	Cái	1
452	Tuocnovit	Cái	40
	Phòng Scada 2		
453	Bàn thí nghiệm CITA BHV-01 1200X850X800	Cái	6
454	Bộ cơ cấu chấp hành 1, ACT-BOARD-FA1	Bộ	3
455	Bộ cơ cấu chấp hành 2, ACT-STATION-FA1	Bộ	1
456	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ lớn, QPLC-TRN-KIT	Bộ	1
457	Bộ đào tạo Scanda quy mô tích hợp cỡ nhỏ, FX3U-GT-TRN-KIT	Bộ	5
458	Máy nén khí TN 6kg 220V	Cái	2
459	Máy vi tính để bàn core I5 KTS-I5-3470	Bộ	13

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
460	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	2
461	Mô hình đóng nắp hộp tự động (mã số T2010-N13)	Bộ	1
462	Mô hình lựa chọn sản phẩm bằng tay gấp	Bộ	1
463	Mô hình phân loại sản phẩm bằng tay gấp 09T-TN03	Bộ	1
464	Phần mềm MCWorks 64 Mitsubishi SW1DND-MCWDV-ET500	PM	1
465	Phần mềm GXWorks và GTWorks Mitsubishi SW4D5C-QSET-E Mitsubishi SW2D5C-GTWN2-E	PM	1
466	Ampe kèm	Cái	1
467	Bộ Cle	Cái	1
468	Bộ khóa lục giác	Cái	1
469	Bộ thí nghiệm cảm biến (CB quang + tiệm cận)	Bộ	1
470	Cây hút chì	Cây	8
471	Đế gác mỏ hàn	Cái	15
472	Đồng hồ VOM hiện số	Cái	18
473	Giá đỡ thiết bị mô hình	Cái	1
474	Kèm	Cây	25
475	Khung cửa tay	Cái	1
476	Màn hình cảm biến	Cái	1
477	Máy khoan Proskit - PK	Bộ	1
478	Máy nén khí loại 6kg 3/4HP (Taiwan)	Cái	3
479	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
480	Nhíp	Cái	8
481	Súng hút chì	Cây	10
482	Thước cặp	Cái	2
483	Tivi màn hình phẳng 25" Sony -SW25	Cái	1
484	Tuocnovit	Cái	40
485	Máy quấn dây CPH-OSMIT	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 1		
486	Bộ thí nghiệm động cơ servo	Bộ	2
487	Dao động ký (Oscilloscope)	Cái	1
488	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
489	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
490	Mô hình bến đậu xe	Bộ	1
491	Ổn áp 110A -10KVA 3 pha-380V	Cái	1
492	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	1
493	Máy giặt cơ	Cái	1
494	Máy khô IC	Cái	2
495	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	2
496	Tủ điện sơn tĩnh điện (1000x800x250) dày 1.5mm	Cái	5
497	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	2
498	Ocsilloscope Pintex-PS200-20MGz	Cái	1
	Phòng thực tập điện tử công nghiệp 2		
499	Bộ nguồn 1 pha sử dụng năng lượng mặt trời T2010- TN10	Bộ	1
500	Bộ thí nghiệm điều khiển động cơ servơ	Bộ	1
501	Bộ thí nghiệm được điều khiển từ xa dùng sóng hồng ngoại	Bộ	1
502	Máy tiện CNC loại để bàn Concepr Turn - hãng EMCO CT55	Bộ	1
503	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5” ACER	Bộ	12
504	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	2
505	Tủ điều khiển CN dùng PLC	Cái	1
506	Tủ điều khiển máy tiện CNC (Mã số ĐT 2015 - TN01)	Cái	1
507	Ampli Belco - BA501 + cặp loa Polocko 99 220V	Cái	1
508	Bảng quang báo sử dụng 9822	Cái	1
509	Biến tần 3 pha - 1 HP	Bộ	2
510	Cle 8-22	Bộ	1
511	Kèm các loại	Cái	12
512	Khoan bàn 8T	Cái	1
513	Khoan tay Bosch - GSB 10RE (Malaysia)	Cái	1
514	Máy khoan bàn 13 ly Professional	Cái	1
515	Máy mài 2 đá Sansin (để bàn) 1/2 HP	Cái	1
516	Mô hình cánh tay hoạt động được AMR-5RC + chương trình AMR- 5RC và tài liệu	Bộ	1
517	Thùng đựng đồ nghề	Cái	2
518	Tivi màu Sony 25" XA-25 M80A	Cái	1
519	Tuocnovit pake	Cái	18
520	Variac 1 pha 0-250V 2KVA	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng thực tập điện tử công suất 1		
521	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
522	Máy chiếu ảnh model: MH_5T	Cái	1
523	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
524	Tủ điều khiển CN dùng cho PLC	Cái	5
525	Tủ động lực dùng kết nối phần công suất cho PLC và VĐK	Tủ	2
526	Tủ giao tiếp kỹ thuật số PLC, VĐK	Cái	4
527	Ampe kềm	Cái	1
528	Bảng nhận dạng linh kiện điện tử	Cái	1
529	Bảng thí nghiệm L	Cái	8
530	Bảng thí nghiệm OP-TO	Cái	5
531	Bảng thí nghiệm R	Cái	8
532	Bảng thí nghiệm SCR	Cái	8
533	Bảng thí nghiệm Transitor	Cái	5
534	Bảng thí nghiệm Triac	Cái	12
535	Biến tần OMRON	Cái	4
536	Bình accu 60A	Cái	1
537	Bộ khóa cửa (mã số điện tử)	Bộ	1
538	Bộ mã hóa xung vòng quay E6A2	Bộ	5
539	Bộ thí nghiệm Inverter	Bộ	10
540	Cây hút chì	Cái	7
541	Động cơ 220V-Ac-1HP	Cái	4
542	Động cơ 3 pha 1HP	Cái	4
543	Đồng hồ VOM	Cái	23
544	Kềm các loại	Cái	30
545	Khoan bàn nhỏ 3 tác	Cái	2
546	Khung cưa tay	Cái	1
547	Máy phát tần số	Cái	1
548	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	20
549	Mô tơ 2 tốc độ - 1HP	Cái	1
550	Mô tơ 3 pha - 1HP	Cái	1
551	Mô tơ giảm tốc 1.5HP	Cái	1
552	Nhíp lớn	Cái	8

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
553	Ocsilloscope PS251	Cái	2
554	Tivi màu 5"	Cái	1
555	Tuocnovit	Cái	44
556	Tủ điện điều khiển biến tần	Cái	3
557	Tủ điện tử CN	Cái	6
	Phòng thực tập điện tử công suất 2		
558	Bài tập điện tử công suất	Bộ	5
559	Bài tập máy điện 3 pha	Bộ	1
560	Bộ bài tập điện, điện tử phòng multimedia gồm: 1) 17 Vali bài KT điện 1: Công nghệ DC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 2) 17 Vali bài KT điện 2: Công nghệ AC (Mỗi vali có 3 bo + 1 đĩa) 3) 17 Vali bài KT điện tử 1: Các thành phần bán dẫn (Mỗi vali có 3 bo + 1	Bộ	1
561	Bộ giao tiếp phòng Multimedia gồm (dùng cho 17 bộ): 1) 17 bộ giao tiếp. Linh kiện kèm theo: + 17 đĩa CD cài đặt + 17 bộ cáp máy tính (hoặc giao tiếp) + 17 bộ nguồn + 17 dây nguồn + Tài liệu 2) 34 bộ thí nghiệm 3) 17 bộ dây nối 2mm 4) 170 dây n	Bộ	17
562	Bộ thí nghiệm điện tử công suất	Bộ	1
563	Bộ thí nghiệm thí nghiệm 8952	Bộ	2
564	Bộ thí nghiệm VXL 8952	Bộ	13
565	HDD server 36GB	Cái	1
566	Hệ thống mạng gồm:- Lan card compex 10/100base + Switch 10/100 16 port + AMP pathpanel 24 port + Boot rom + Connector RJ43 + Boot colour + Route ISDN 10/100 MPS RJ45 + 19" wall mounted rack	Ht	1
567	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	10
568	Máy vi tính IBM - Series 225 server 8647-3AX	Bộ	1
569	Microsoft - windows 2003 server advance(License)	Bộ	1
570	Nguồn mở rộng Unitrain	Bộ	5
571	Tủ điện - ĐTCN (Tủ TT. Điện tử CN)	Cái	2
572	Tủ điện động lực - Điện CN	Cái	2
573	Tủ thực tập điện tử công nghiệp	Bộ	2
574	Bộ điều khiển động cơ server R7D-AP	Bộ	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
575	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8951(kít thí nghiệm)	Cái	2
576	Bộ thí nghiệm vi xử lý 8952	Bộ	5
577	HDD (máy con) 40GB	Cái	2
578	Headphone Nansin NS-880MV	Cái	15
579	Headphone Somic SM-880	Cái	17
580	Thí nghiệm vi điều khiển gồm: - Vali cách điện mạch 8051 + Dây nguồn.	Bộ	2
581	Tủ điện tử CN	Cái	4
	Phòng thực tập trang bị điện 1		
582	Động cơ không đồng bộ 3 pha, điện áp 380/660V, 1.5 HP, 1.450v/p	Cái	8
583	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2 cấp tốc độ Δ/YY , 1.5 HP, tốc độ thấp: 1500v/p, tốc độ cao: 3000v/p	Cái	8
584	Mô hình mạch máy khoan	Bộ	1
585	Mô hình mạch máy mài	Bộ	1
586	Mô hình mạch máy phay	Bộ	1
587	Tủ mạch điện máy tiện 1.6E20	Bộ	1
588	Ampere kèm	Cái	2
589	Ampere kèm dạng số 2017 Kyoritsu	Cái	1
590	Bầu khoan máy	Cái	2
591	Chân tủ điện	Cái	5
592	Động cơ 3pha 1/2HP 36 rãnh	Cái	30
593	Đồng hồ đo cos	Cái	2
594	Đồng hồ đo điện trở đất	Cái	2
595	Đồng hồ đo dòng AC 10-30A	Cái	34
596	Đồng hồ đo $M\Omega$	Cái	2
597	Đồng hồ đo $M\Omega$ Kyoritsu	Cái	1
598	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Cái	2
599	Kèm các loại	Cái	10
600	Máy mài cầm tay	Cái	2
601	Mô hình tủ điện điều khiển	Cái	12
602	Mỏ lết cỡ trung 12"	Cái	3
603	Mô tơ 1.5HP, 3 pha	Cái	10
604	Panme	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
605	Tủ điện + bàn (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
606	Tuocnovit	Cây	126
	Phòng thực tập trang bị điện 2		
607	Tủ sắt 860 x 660 x 200 dày 1.5mm	Cái	5
608	Tủ điện điều khiển (Mô hình tủ điện điều khiển)	Bộ	5
609	Tủ trang bị điện	Cái	10
	Phòng Thực tập Mạch điện tử 1		
610	Bộ thí nghiệm cấu kiện điện tử	Bộ	10
611	Máy vi tính Intel Dual Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	1
612	Ampe kềm	Cái	1
613	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5
614	Bộ khóa lục giác	Cái	1
615	Bộ kiểm tra dây mạng	Cái	1
616	Cây hút chì	Cái	19
617	Đế gác mỏ hàn	Cái	10
618	Đồng hồ Vom	Cái	69
619	Kềm các loại	Cái	34
620	Khoan bàn 8T	Cái	1
621	Khoan bàn nhỏ 3 tác	Cái	1
622	Khung cưa tay	Cái	1
623	Kìm dẹp	Cái	15
624	Loa thùng	Cặp	1
625	Mixer	Cái	1
626	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	21
627	Nhíp lớn	Cái	8
628	Panme điện tử	Cái	1
629	Súng hút chì	Cây	1
630	Tivi màu 5"	Cái	2
631	Tivi màu Toshiba 20"	Cái	1
632	Tuocnovit	Cái	75
	Phòng Thực tập mạch điện tử 2		
633	Khoan bàn 8T	Cái	2
634	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
635	Bàn nguội	Cái	1
636	Mô hình role thời gian	Bộ	1
637	Mô hình điều khiển chữ 3 màu	Bộ	1
638	Mô hình mạch điều khiển bảng chữ màu	Bộ	1
639	Mô hình mạch điều khiển đèn giao thông	Bộ	1
640	Mô hình mạch giao tiếp đèn	Bộ	2
641	Mô hình mạch role thời gian	Bộ	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 18 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Trần Giang Nam	Kỹ sư Công nghệ Điện tử viễn thông	NV SP dành cho GV CĐ, ĐH		Mạch điện	3

– Nhà giáo thỉnh giảng

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Nguyễn Văn Luận	Kỹ sư – Kỹ thuật Điện - Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập Trang bị điện	180
2	Mai Văn Toàn	Kỹ sư - Kỹ thuật Cơ - Điện tử			Thực tập Cung cấp điện	240
3	Phạm Văn Sim Bé	Kỹ sư – Kỹ thuật Điện - Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập PLC	180
4	Võ Thị Phương	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Truyền thông	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập SCADA	240

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghề vụ sự phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
5	Nguyễn Quốc Toàn	Kỹ sư – Kỹ thuật Điện – Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập Kỹ thuật số	180
6	Nguyễn Quốc Dũng	Kỹ sư – Cơ điện tử	CC NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập máy điện	240
7	Lê Huy Tập	Kỹ sư – Điện khí hóa và cung cấp điện	CC Bồi dưỡng NV giám sát thi công XD công trình		Cung cấp điện	120
8	Thái Văn Trường	Kỹ sư – Điện khí hóa và cung cấp điện	TN ĐHSP Kỹ thuật		Tính toán và sửa chữa máy điện	120
9	Nguyễn Thanh Sang	Kỹ sư – Kỹ thuật điện – Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		Điện tử công suất	120
10	Nguyễn Thành Công	Kỹ sư – Điện công nghiệp	CC Sư phạm dạy nghề		Trang bị điện	120
11	Trần Văn Tiến	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập cung cấp điện	120
12	Bùi Văn Tú	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử			Cung cấp điện	120
13	Nguyễn Hồng Kha	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử			Thực tập Điện tử cơ bản	240
14	Đặng Ngọc Cẩn	Kỹ sư – Kỹ thuật Điện – Điện tử	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập Điện tử cơ bản	240
15	Nguyễn Văn Thuận	Kỹ sư – Điện công nghiệp			Máy điện	120
16	Huỳnh Văn Tín	Kỹ sư – Điện khí hóa và cung cấp điện	TN ĐHSP Kỹ thuật		Cung cấp điện	120

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
17	Phan Hồng Luân Vũ	Kỹ sư – Điện khí hóa và Cung cấp điện			Kỹ thuật lắp đặt điện	120

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **ĐIỆN CÔNG NGHIỆP**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành (Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

III. Ngành, nghề: **KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ**

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung: 30

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 9 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng TT điều hòa không khí 1		
1	Bơm nước chỉnh áp lực 220V(1pha 1/2 HP)	Cái	1
2	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
3	Hệ thống điều hòa không khí ô tô	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
4	Máy điều hòa Panasonic CW-C182EH 2HP-1 cục	Cái	1
5	Máy lạnh giải nhiệt 10HP/380V	Cái	1
6	Máy nén hơi 1 pha/1,5Hp	Cái	1
7	Ampe kèm	Cái	3
8	Block tủ lạnh	Cái	2
9	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	4
10	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	3
11	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
12	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
13	Đồng hồ sạc ga	Cái	4
14	Đồng hồ Vom	Cái	1
15	Dụng cụ hút chân không	Cái	1
16	Êtô	Cái	1
17	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có bánh xe	Cái	4
18	Giá đỡ máy lạnh 2 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	5
19	Kèm các loại	Cái	8
20	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	1
21	Máy hàn hồ quang SD300A Misa	Cái	1
22	Máy lạnh 1HP- 1 cục National 220V	Cái	2
23	Máy lạnh 1HP- 1 cục National C90LH	Cái	5
24	Máy lạnh National C9DLH 1 cục -1HP	Cái	2
25	Mô hình máy làm lạnh nước L4000, L7213	Cái	1
26	Máy lạnh 2 cục 2HP/220V	Bộ	2
27	Mỏ lếch	Cái	3
28	Mô tơ bơm nước 1 pha/ 220V/1/4HP	Cái	2
29	Tuocnovit	Cái	9
30	Uốn ống 6-8-10	Cây	3
31	Uốn ống đồng	Cái	1
	Xưởng TT điều hòa không khí 2		
32	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
33	Khoan đục bê tông 220V/1HP (Đức)	Cái	1
34	Máy lạnh 1HP/220V/gaz 410A Nagakawa	Bộ	4
35	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	4

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
36	Máy lạnh âm trần 5HP/380V	Bộ	2
37	Máy lạnh 2 khối 220V/1HP (Kendo)	Cái	1
38	Máy lạnh LG - 2 khối 1HP	Bộ	3
39	Máy lạnh Panasonic C18DKH 2HP -2 cục (Malaysia)	Bộ	1
40	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
41	Mô hình thí nghiệm máy lạnh loại ghép dân dụng 1 pha	Cái	1
42	Ampe kèm	Cái	8
43	Block máy lạnh 1HP	Cái	14
44	Block tủ lạnh	Cái	6
45	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	2
46	Bộ gia công ống ngoại	Bộ	1
47	Đồng hồ sạc ga	Cái	5
48	Dụng cụ hút chân không	Cái	2
49	Giá đỡ các mô hình có bánh xe đẩy	Cái	8
50	Giá đỡ máy lạnh 2 cụm có bánh xe	Cái	5
51	Kèm các loại	Cái	15
52	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	2
53	Máy lạnh National áp trần 3HP	Cái	1
54	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng (loại ghép)	Cái	1
55	Mỏ lết thường 18"	Cái	1
56	Tuocnovit	Cái	13
57	Uốn ống 6-8-10	Cây	2
	Xưởng TT lạnh công nghiệp 1		
58	Bơm nước chỉnh áp lực 220V(1pha 1/2 HP)	Cái	1
59	Máy nén hờ 10HP (Sanyo)	Cái	1
60	Máy nén scroll 3 pha/5HP	Cái	5
61	Máy nén trực vít 380V/3 pha/10HP	Cái	1
62	Mô hình hệ thống lạnh thương mại	Cái	1
63	Mô hình kho đông tiếp xúc 2 cấp 10HP/3870V	Bộ	1
64	Mô hình máy lạnh ô tô	Cái	1
65	Ổn áp LIOA 45KVA-3fa	Cái	1
66	Ampere kèm dạng hiển thị kim	Cái	2
67	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
68	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	4
69	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	1
70	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
71	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
72	Đồng hồ sạc ga	Cái	2
73	Giá đỡ máy nén	Cái	9
74	Kèm các loại	Cái	8
75	Máy nén 2 cấp 380V-10-15HP	Cái	2
76	Máy nén SEMIHERMATIC 3-5HP/380V	Cái	3
77	Mô lét thường 18"	Cái	2
78	Mô tơ bơm nước 1 pha/ 220V/1/4HP	Cái	1
79	Thang xếp chữ A 3m	Cái	1
80	Tuocnovit	Cái	4
81	VOM số	Cái	1
	Xưởng TT lạnh công nghiệp 2		
82	Mô hình hệ thống lạnh công nghiệp	Bộ	1
83	Mô hình máy nén ly tâm 15HP/380V (Mô hình lạnh, giải nhiệt bằng gió)	Bộ	2
84	Mô hình máy nén trục vít 15HP/380V (Mô hình hệ thống lạnh cấp đông 2 cấp giải nhiệt bằng gió)	Bộ	1
85	Mô hình Piston (dạng semihermatic) 5HP/380V (Mô hình điều hòa trung tâm làm lạnh nước Water chiler, 2 dàn lạnh)	Bộ	1
86	Mô hình tủ đông thương nghiệp	Bộ	2
87	Mô hình kho bảo quản lạnh	Bộ	2
88	Mô hình kho cấp đông	Bộ	1
89	Ampe kèm hiển kim 2608	Cái	2
90	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	1
91	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	1
92	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
93	Đồng hồ sạc ga	Cái	2
94	Kèm điện đầu bằng Asaki	Cái	2
95	VOM số	Cái	1
	Xưởng Trang bị điện và tự động hóa 1		
96	Bàn thực tập + bộ nguồn + bánh xe	Cái	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
97	Ampe kèm	Cái	3
98	Đồng hồ sạc ga	Bộ	1
99	Đồng hồ Vom	Cái	3
100	Kèm các loại	Cái	11
101	Mô tơ 2HP/ 3 pha/ 380V/ 660V	Cái	2
102	Mô tơ kéo 1HP-1 pha	Cái	1
103	Mô hình điều hòa không khí trung tâm làm lạnh nước Water Chiller	Bộ	1
104	Mô hình băng truyền IQF	Bộ	1
105	Thang xếp chữ A	Cái	1
106	Tuocnovit	Cái	7
107	VOM số	Cái	1
	Xưởng Trang bị điện và tự động hóa 2		
108	Máy điều hòa Panasonic CW-C182EH 2HP-1 cục	Cái	1
109	Máy lạnh Panasonic 1 khối -2HP	Cái	1
110	Máy lạnh Toshiba Rac-18TX	Cái	1
111	Máy thu hồi môi chất lạnh	Cái	1
112	Mô hình máy đá viên	Bộ	1
113	Ampere kèm dạng hiển thị kim	Cái	3
114	Block máy lạnh 1HP	Cái	3
115	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	4
116	Dụng cụ hút chân không	Cái	1
117	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	2
118	Kèm các loại	Cái	5
119	Máy cắt sắt	Cái	1
120	Tuocnovit	Cái	4
121	VOM số	Cái	3
	Xưởng lạnh cơ bản 1		
122	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
123	Ampe kèm	Cái	5
124	Bộ gia công ống ngoại	Bộ	1
125	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	5
126	Bơm nước chỉnh áp lực 1 pha 1/2HP (ĐL)	Cái	1
127	Bơm nước chỉnh áp lực 1 pha 1/2HP (ĐL)	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
128	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2HP 380/660V	Cái	2
129	Đồng hồ sạc ga	Cái	4
130	Đồng hồ Vom ngoại	Cái	2
131	Kèm các loại	Cái	22
132	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	2
133	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	1
134	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	1
135	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	1
136	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	1
137	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
138	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
139	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
140	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
141	Mô hình chu trình làm lạnh một cấp có thiết bị hồi nhiệt trên giản đồ LgP-h	Bộ	1
142	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng (loại ghép)	Cái	1
143	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng loại ghép	Cái	1
144	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng loại ghép lắp ráp	Cái	1
145	Mô tơ kéo 1HP-1 pha	Cái	4
146	Thiết bị sấy đa năng	Bộ	1
147	Tuocnovit	Cái	14
148	Uốn ống 6-8-10	Cây	4
149	VOM số	Cái	3
	Xưởng lạnh cơ bản 2		
150	Bộ hàn hơi có giá đỡ bánh xe	Bộ	1
151	Ampe kèm	Cái	2
152	Block tủ lạnh	Cái	4
153	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	2
154	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	6
155	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
156	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
157	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2HP 380/660V	Cái	3
158	Đồng hồ đo thứ tự pha	Cái	1
159	Đồng hồ sạc ga	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
160	Êtô	Cái	3
161	Kèm các loại	Cái	16
162	Máy nén khí 1 pha 1/2HP	Cái	1
163	Mỏ lệch 12" 300mm Asaki	Cái	1
164	Mô tơ 2HP/ 3 pha/ 380V/ 660V	Cái	3
165	Mô tơ kéo 1HP-1 fa	Cái	5
166	Tuocnovit	Cái	13
167	Uốn ống 6-8-10	Cây	4
168	VOM số	Cái	3
169	Tủ lạnh làm lạnh trực tiếp	Cái	5
170	Tủ lạnh làm lạnh gián tiếp	Cái	5
171	Mô hình máy lạnh tủ đứng 3HP	Cái	1
172	Tủ đông thương nghiệp (tủ mát)	Cái	4
	Xưởng TT máy và thiết bị lạnh		
173	Ampe kèm	Cái	7
174	Block tủ lạnh	Cái	12
175	Block máy lạnh 1HP	Cái	5
176	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	6
177	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	2
178	Bộ gia công ống	Bộ	2
179	Bộ hàn hơi có giá đỡ bánh xe	Bộ	1
180	Bộ hút chân không 1HP/220V (vacuum)	Cái	2
181	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	10
182	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
183	Cảo 3 chấu	Cái	2
184	Cửa gỗ cầm tay Hitiminjet 1100W/220V	Cái	1
185	Đồng hồ đo PH	Cái	2
186	Đồng hồ đo thứ tự pha	Cái	1
187	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	2
188	Đồng hồ sạc ga	Cái	6
189	Đồng hồ Vom	Cái	4
190	Êtô	Cái	4
191	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
192	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có bánh xe	Cái	1
193	Kèm các loại	Cái	56
194	Khoan bàn 3 tầng	Cái	1
195	Lốc tủ lạnh 1/8HP/220V	Cái	10
196	Máy cửa lọng STE70 Metabo	Cái	1
197	Máy điều hòa Carrier APX-18R 2HP	Cái	1
198	Máy lạnh - Toshiba 1HP-1cục	Cái	1
199	Máy lạnh 2 cụm INVERTER 220V/1.5HP	Cái	2
200	Máy lạnh Carrier APX -18R 2HP	Cái	2
201	Máy lạnh National	Cái	1
202	Mỏ lếch 12" 300mm Asaki	Cái	3
203	Mỏ lết	Cái	4
204	Mô hình máy lạnh âm trần 3HP	Cái	1
205	Máy bơm vệ sinh máy lạnh	Cái	1
206	Tủ lạnh 120 lít	Cái	5
207	Tủ lạnh 120l-240l	Cái	3
208	Tủ lạnh Inveter	Cái	5
209	Tủ lạnh side by side	Cái	2
210	Tuocnovit	Cái	20
211	Uốn ống 6-8-10	Cây	7
212	Uốn ống đồng	Cái	4
213	Vaccum 220V/1 pha/ 1HP	Cái	2
214	VOM số	Cái	5

3. Nhà giáo

- a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 03 GV
- b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20
- c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

– Nhà giáo thỉnh giảng: 03 GV

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Lê Đình Quang	Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt	CC Bồi dưỡng NVSP		- Đồ án 2 - Thực tập hệ thống điều hoà không khí trung tâm.	240
2	Trần Thị Ngọc Diệp	Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt	CC NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Điều hoà không khí Ô tô - Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp	90
3	Phan Hữu Lực	Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt			- Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp - Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp	180

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành (Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

IV. Ngành, nghề: **VẬN HÀNH, SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH**

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

- Cao đẳng: 130 sinh viên
- Trung cấp: 80 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 9 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng TT điều hòa không khí 1		
1	Bơm nước chỉnh áp lực 220V(1pha 1/2 HP)	Cái	1
2	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
3	Hệ thống điều hòa không khí ô tô	Bộ	1
4	Máy điều hòa Panasonic CW-C182EH 2HP-1 cục	Cái	1
5	Máy lạnh giải nhiệt 10HP/380V	Cái	1
6	Máy nén hơi 1 pha/1,5Hp	Cái	1
7	Ampe kềm	Cái	3
8	Block tủ lạnh	Cái	2
9	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	4
10	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	3
11	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
12	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
13	Đồng hồ sạc ga	Cái	4
14	Đồng hồ Vom	Cái	1
15	Dụng cụ hút chân không	Cái	1
16	Êtô	Cái	1
17	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có bánh xe	Cái	4
18	Giá đỡ máy lạnh 2 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	5
19	Kềm các loại	Cái	8
20	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	1
21	Máy hàn hồ quang SD300A Misa	Cái	1
22	Máy lạnh 1HP- 1 cục National 220V	Cái	2
23	Máy lạnh 1HP- 1 cục National C90LH	Cái	5
24	Máy lạnh National C9DLH 1 cục -1HP	Cái	2
25	Mô hình máy làm lạnh nước L4000, L7213	Cái	1
26	Máy lạnh 2 cục 2HP/220V	Bộ	2
27	Mỏ lếch	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
28	Mô tơ bơm nước 1 pha/ 220V/1/4HP	Cái	2
29	Tuocnovit	Cái	9
30	Uốn ống 6-8-10	Cây	3
31	Uốn ống đồng	Cái	1
	Xưởng TT điều hòa không khí 2		
32	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
33	Khoan đục bê tông 220V/1HP (Đức)	Cái	1
34	Máy lạnh 1HP/220V/gaz 410A Nagakawa	Bộ	4
35	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	4
36	Máy lạnh âm trần 5HP/380V	Bộ	2
37	Máy lạnh 2 khối 220V/1HP (Kendo)	Cái	1
38	Máy lạnh LG - 2 khối 1HP	Bộ	3
39	Máy lạnh Panasonic C18DKH 2HP -2 cục (Malaysia)	Bộ	1
40	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
41	Mô hình thí nghiệm máy lạnh loại ghép dân dụng 1 pha	Cái	1
42	Ampe kềm	Cái	8
43	Block máy lạnh 1HP	Cái	14
44	Block tủ lạnh	Cái	6
45	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	2
46	Bộ gia công ống ngoại	Bộ	1
47	Đồng hồ sạc ga	Cái	5
48	Dụng cụ hút chân không	Cái	2
49	Giá đỡ các mô hình có bánh xe đẩy	Cái	8
50	Giá đỡ máy lạnh 2 cụm có bánh xe	Cái	5
51	Kềm các loại	Cái	15
52	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	2
53	Máy lạnh National áp trần 3HP	Cái	1
54	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng (loại ghép)	Cái	1
55	Mô lết thường 18"	Cái	1
56	Tuocnovit	Cái	13
57	Uốn ống 6-8-10	Cây	2
	Xưởng TT lạnh công nghiệp 1		
58	Bơm nước chỉnh áp lực 220V(1pha 1/2 HP)	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
59	Máy nén hờ 10HP (Sanyo)	Cái	1
60	Máy nén scroll 3 pha/5HP	Cái	5
61	Máy nén trục vít 380V/3 pha/10HP	Cái	1
62	Mô hình hệ thống lạnh thương mại	Cái	1
63	Mô hình kho đông tiếp xúc 2 cấp 10HP/3870V	Bộ	1
64	Mô hình máy lạnh ô tô	Cái	1
65	Ổn áp LIOA 45KVA-3fa	Cái	1
66	Ampere kèm dạng hiển thị kim	Cái	2
67	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	1
68	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	4
69	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	1
70	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
71	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
72	Đồng hồ sục ga	Cái	2
73	Giá đỡ máy nén	Cái	9
74	Kèm các loại	Cái	8
75	Máy nén 2 cấp 380V-10-15HP	Cái	2
76	Máy nén SEMIHERMATIC 3-5HP/380V	Cái	3
77	Mỏ lét thường 18"	Cái	2
78	Mô tơ bơm nước 1 pha/ 220V/1/4HP	Cái	1
79	Thang xếp chữ A 3m	Cái	1
80	Tuocnovit	Cái	4
81	VOM số	Cái	1
	Xưởng TT lạnh công nghiệp 2		
82	Mô hình hệ thống lạnh công nghiệp	Bộ	1
83	Mô hình máy nén ly tâm 15HP/380V (Mô hình lạnh, giải nhiệt bằng gió)	Bộ	2
84	Mô hình máy nén trục vít 15HP/380V (Mô hình hệ thống lạnh cấp đông 2 cấp giải nhiệt bằng gió)	Bộ	1
85	Mô hình Piston (dạng semihermatic) 5HP/380V (Mô hình điều hòa trung tâm làm lạnh nước Water chiler, 2 dàn lạnh)	Bộ	1
86	Mô hình tủ đông thương nghiệp	Bộ	2
87	Mô hình kho bảo quản lạnh	Bộ	2
88	Mô hình kho cấp đông	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
89	Ampe kèm hiển kim 2608	Cái	2
90	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	1
91	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	1
92	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
93	Đồng hồ sạc ga	Cái	2
94	Kèm điện đầu bằng Asaki	Cái	2
95	VOM số	Cái	1
	Xưởng Trang bị điện và tự động hóa 1		
96	Bàn thực tập + bộ nguồn + bánh xe	Cái	10
97	Ampe kèm	Cái	3
98	Đồng hồ sạc ga	Bộ	1
99	Đồng hồ Vom	Cái	3
100	Kèm các loại	Cái	11
101	Mô tơ 2HP/ 3 pha/ 380V/ 660V	Cái	2
102	Mô tơ kéo 1HP-1 pha	Cái	1
103	Mô hình điều hòa không khí trung tâm làm lạnh nước Water Chiller	Bộ	1
104	Mô hình băng truyền IQF	Bộ	1
105	Thang xếp chữ A	Cái	1
106	Tuocnovit	Cái	7
107	VOM số	Cái	1
	Xưởng Trang bị điện và tự động hóa 2		
108	Máy điều hòa Panasonic CW-C182EH 2HP-1 cục	Cái	1
109	Máy lạnh Panasonic 1 khối -2HP	Cái	1
110	Máy lạnh Toshiba Rac-18TX	Cái	1
111	Máy thu hồi môi chất lạnh	Cái	1
112	Mô hình máy đá viên	Bộ	1
113	Ampere kèm dạng hiển thị kim	Cái	3
114	Block máy lạnh 1HP	Cái	3
115	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	4
116	Dụng cụ hút chân không	Cái	1
117	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	2
118	Kèm các loại	Cái	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
119	Máy cắt sắt	Cái	1
120	Tuocnovit	Cái	4
121	VOM số	Cái	3
	Xưởng lạnh cơ bản 1		
122	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	1
123	Ampe kềm	Cái	5
124	Bộ gia công ống ngoại	Bộ	1
125	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	5
126	Bơm nước chỉnh áp lực 1 pha 1/2HP (ĐL)	Cái	1
127	Bơm nước chỉnh áp lực 1 pha 1/2HP (ĐL)	Cái	1
128	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2HP 380/660V	Cái	2
129	Đồng hồ sạc ga	Cái	4
130	Đồng hồ Vom ngoại	Cái	2
131	Kềm các loại	Cái	22
132	Lốc máy lạnh HP/220V ngoại	Cái	2
133	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	1
134	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	1
135	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	1
136	Máy lạnh 2 cụm Inverter 220V/1Hp	Cái	1
137	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
138	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
139	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
140	Máy nén Scroll 3 pha - 5Hp	Cái	1
141	Mô hình chu trình làm lạnh một cấp có thiết bị hồi nhiệt trên giản đồ LgP-h	Bộ	1
142	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng (loại ghép)	Cái	1
143	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng loại ghép	Cái	1
144	Mô hình thí nghiệm máy lạnh dân dụng loại ghép lắp ráp	Cái	1
145	Mô tơ kéo 1HP-1 pha	Cái	4
146	Thiết bị sấy đa năng	Bộ	1
147	Tuocnovit	Cái	14
148	Uốn ống 6-8-10	Cây	4
149	VOM số	Cái	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng lạnh cơ bản 2		
150	Bộ hàn hơi có giá đỡ bánh xe	Bộ	1
151	Ampe kèm	Cái	2
152	Block tủ lạnh	Cái	4
153	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	2
154	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	6
155	Bộ tuýp hệ inch TOP 10-32.	Bộ	1
156	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
157	Động cơ không đồng bộ 3 pha 2HP 380/660V	Cái	3
158	Đồng hồ đo thứ tự pha	Cái	1
159	Đồng hồ sục ga	Cái	3
160	Êtô	Cái	3
161	Kèm các loại	Cái	16
162	Máy nén khí 1 pha 1/2HP	Cái	1
163	Mỏ lệch 12" 300mm Asaki	Cái	1
164	Mô tơ 2HP/ 3 pha/ 380V/ 660V	Cái	3
165	Mô tơ kéo 1HP-1 pha	Cái	5
166	Tuocnovit	Cái	13
167	Uốn ống 6-8-10	Cây	4
168	VOM số	Cái	3
169	Tủ lạnh làm lạnh trực tiếp	Cái	5
170	Tủ lạnh làm lạnh gián tiếp	Cái	5
171	Mô hình máy lạnh tủ đứng 3HP	Cái	1
172	Tủ đông thương nghiệp (tủ mát)	Cái	4
	Xưởng TT máy và thiết bị lạnh		
173	Ampe kèm	Cái	7
174	Block tủ lạnh	Cái	12
175	Block máy lạnh 1HP	Cái	5
176	Bộ cle vòng miệng 6-32mm 12 chi tiết	Bộ	6
177	Bộ đèn hàn (đèn hàn, mỏ hàn gió đá)	Bộ	2
178	Bộ gia công ống	Bộ	2
179	Bộ hàn hơi có giá đỡ bánh xe	Bộ	1
180	Bộ hút chân không 1HP/220V (vacuum)	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
181	Bộ nong ống đồng Ø6 - Ø22	Bộ	10
182	Bộ van giảm áp oxy	Bộ	1
183	Cảo 3 châu	Cái	2
184	Cửa gỗ cầm tay Hitiminjet 1100W/220V	Cái	1
185	Đồng hồ đo PH	Cái	2
186	Đồng hồ đo thứ tự pha	Cái	1
187	Đồng hồ dò xì ga digital	Cái	2
188	Đồng hồ sạc ga	Cái	6
189	Đồng hồ Vom	Cái	4
190	Êtô	Cái	4
191	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có 4 bánh xe đẩy	Cái	3
192	Giá đỡ máy lạnh 1 cụm có bánh xe	Cái	1
193	Kèm các loại	Cái	56
194	Khoan bàn 3 tấn	Cái	1
195	Lốc tủ lạnh 1/8HP/220V	Cái	10
196	Máy cửa lọng STE70 Metabo	Cái	1
197	Máy điều hòa Carrier APX-18R 2HP	Cái	1
198	Máy lạnh - Toshiba 1HP-1cục	Cái	1
199	Máy lạnh 2 cụm INVERTER 220V/1.5HP	Cái	2
200	Máy lạnh Carrier APX -18R 2HP	Cái	2
201	Máy lạnh National	Cái	1
202	Mỏ lếch 12" 300mm Asaki	Cái	3
203	Mỏ lết	Cái	4
204	Mô hình máy lạnh âm trần 3HP	Cái	1
205	Máy bơm vệ sinh máy lạnh	Cái	1
206	Tủ lạnh 120 lít	Cái	5
207	Tủ lạnh 120l-240l	Cái	3
208	Tủ lạnh Inveter	Cái	5
209	Tủ lạnh side by side	Cái	2
210	Tuocnovit	Cái	20
211	Uốn ống 6-8-10	Cây	7
212	Uốn ống đồng	Cái	4
213	Vaccum 220V/1 pha/ 1HP	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
214	VOM số	Cái	5

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 17 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 00 GV

– Nhà giáo thỉnh giảng: 17 GV

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Huỳnh Châu Hiệp	Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghệ Nhiệt	CC SP dạy nghề		- Điều hòa không khí Ô tô - Chuyên đề máy lạnh	150
2	Trần Phan Đình Luân	Đại học Công nghệ Nhiệt – Lạnh			Cơ sở kỹ thuật lạnh	90
3	Nguyễn Thanh Dũng	Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghệ Nhiệt	CC NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Thực tập trang bị điện hệ thống nhiệt lạnh	180
4	Lê Xuân Phong	Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt			- Đồ án 1 - An toàn lao động	120
5	Nguyễn Văn Quyết	Thạc sĩ Công nghệ Nhiệt			Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp	180
6	Nguyễn Trung Kiên	Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghệ Nhiệt			Thực tập lạnh cơ bản	180
7	Hồ Văn Mười	Đại học Kỹ thuật Nhiệt điện lạnh	CC SP dạy nghề	Cao đẳng nghề	Kỹ thuật điều hòa không khí	90
8	Trần Xuân An	Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghệ Nhiệt			Cơ sở kỹ thuật nhiệt động và truyền nhiệt	120

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghề vụ sự phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
9	Nguyễn Đại Phú	Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt			- Thực tập lạnh cơ bản - Thực tập tốt nghề	180
10	Nguyễn Thanh Phong	Đại học Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt - Lạnh	CC SP dạy nghề	Cao đẳng nghề	- Đồ án 1 - Đồ án 2 - Thực tập hệ thống máy lạnh công nghiệp	210
11	Trần Thị Thúy Sen	Đại học Công nghệ Nhiệt - Lạnh			- Chuyên đề máy lạnh - Thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống máy lạnh	180
12	Vũ Hoàng Tuấn	Đại học Công nghệ Nhiệt - Lạnh			- Trang bị hệ thống lạnh - Đo lường điện lạnh - Thực tập lạnh cơ bản	245
13	Nguyễn Thành Tùng	Đại học Công nghệ Nhiệt - Lạnh			- Cơ sở kỹ thuật lạnh - Kỹ thuật sấy - An toàn lao động điện lạnh	210
14	Điêu Dương Toàn	Đại học Công nghệ Nhiệt - Lạnh			- TT trang bị điện hệ thống nhiệt lạnh - Chuyên đề máy lạnh - Đo lường Điện lạnh	180
15	Trần Văn Ty	Đại học Công nghệ Nhiệt - Lạnh			- Cơ sở kỹ thuật lạnh - Đồ án 1 - Đồ án 2	180

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
16	Nguyễn Thị Kim Liên	Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghệ Nhiệt	CC NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Điều hòa không khí Ô tô - Thực tập tốt nghiệp	240
17	Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt	CC NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Chuyên đề máy lạnh - Cơ sở kỹ thuật lạnh - TT trang bị điện hệ thống nhiệt lạnh	180

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **VẬN HÀNH, SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành *(Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)*

V. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

- Cao đẳng: 360 sinh viên
- Trung cấp: 30 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Cơ sở vật chất
Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.
Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 8 xưởng.
- Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng CNC - CN1		
1	Chống sét lan truyền. Model SYC-TC480 3Y	Bộ	1
2	Máy chiếu Projector Panasonic PT-LB51SEA + màn chiếu Dalite 100"	Bộ	1
3	Máy lạnh tủ đứng 6.5 HP CARRIER (Model: 38LB060SC)	Bộ	3
4	Máy phay CNC 3 trục Concept Mill 55 dùng cho đào tạo(Áo)	Bộ	1
5	Máy tiện CNC Concept Turn 155 (Áo)	Bộ	1
6	Máy tiện CNC công nghiệp AC-1840	Bộ	1
7	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	1
8	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	50
9	Ổn áp các loại	Cái	2
10	Trung tâm phay đứng CNC	Bộ	1
11	Bàn nguội + êtô	Cái	1
12	Đồng hồ đo lỗ 50-150	Bộ	2
13	Hệ thống âm thanh phòng học	Bộ	1
14	Kèm các loại	Cái	2
15	Khóa lục giác	Bộ	1
16	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
17	Màn hình LCD máy phay CNC	Cái	1
18	Mỏ lết các loại	Cái	3
19	Panme các loại	Cái	10
20	Switch Dlink 8 port	Cái	1
21	Thước cặp các loại	Cái	11
22	Thước đo cao đồng hồ 300	Cây	1
23	Thước đo góc vạn năng	Cây	2
24	Thước đo sâu 0-300	Cây	2
25	Tuocnovit pake 5mm Asaki	Cái	1
	Xưởng CNC - CN2		
26	Bàn lập trình điều khiển NC Fanuc 0/21 & Sinumerik 810/840D	Bộ	7

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
27	Bộ khuôn ép nhựa	Bộ	1
28	Chống sét lan truyền đường nguồn SYCOM Model: SYC-TC-3Y (USA)	Bộ	1
29	Hệ thống lập trình đào tạo CNC dạng công nghiệp (Áo)	Bộ	1
30	Hệ thống mạng:01 Switch 16ports base 10/100/1000	Ht	1
31	Kim thu sét trực tiếp CIRPROTEC Model: NLP1100-30	Ht	1
32	Máy chiếu projector Panasonic PT-LB50TEA wireless + màn hình DALITE 84x84" có remote (USA)	Bộ	1
33	Máy lạnh tủ đứng 2 khối	Cái	4
34	Máy nén khí + Máy sấy khí + bộ lọc (Korea)	Bộ	1
35	Máy phay CNC Concept Mill 155 dùng cho đào tạo và CN (Áo)	Bộ	1
36	Máy quét 3D laser không tiếp xúc Model Range 7	Bộ	1
37	Máy tiện CNC công nghiệp AC-1840	Bộ	1
38	Máy tiện CNC loại đặt bàn Concept Turn 55 (Áo)	Bộ	1
39	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	55
40	Máy vi tính Intel Core i5 - 3.2GHZ	Bộ	1
41	Ổn áp Lioa 15KVA 3 pha	Cái	1
42	Phần mềm CAD/CAM License - VISI Mould Complete V17.0; Hãng VERO; 05 Users (UK)	Bộ	5
43	Phần mềm CAD/CAM License; Hãng Siemens; dùng cho 02 Users	Bộ	2
44	Phần mềm CAM Concept (Áo)	Bộ	1
45	Phần mềm thiết kế ngược Model: XOR dùng cho 30 Users (Korea)	Bộ	1
46	Phần mềm xử lý dữ liệu quét - Range Viewer	Bộ	1
47	Trung tâm gia công phay đứng CNC VM-20	Bộ	1
48	Bàn nguội + êtô	Cái	1
49	Bình xịt nhớt	Cái	5
50	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	1
51	Bộ cable 8-24 (cle)	Bộ	1
52	Bộ căn lót	Bộ	2
53	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	2
54	Bộ đóng số 10mm	Bộ	2
55	Bộ gá cán dao phay	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
56	Bộ lục giác (USA)	Bộ	1
57	Búa nhựa	Cái	5
58	Đèn pin sạc	Cái	2
59	Máy hút bụi	Cái	2
60	Mỏ lết 12" 300mm Asaki	Cái	2
61	Ổ ghi DVD cổng USB	Cái	1
62	Ổn áp 30KVA 3 pha	Cái	1
63	Súng bơm mỡ	Cái	2
64	Switch 24 port Repotec (Malaysia)	Cái	2
65	Tuocnovit	Cái	1
	Xưởng CNC-CB		
66	Bàn đặt máy tiện BTO 14454	Cái	1
67	Bàn điều khiển cho máy tiện gồm: Đế + mặt bàn	Bộ	2
68	Bàn gá dao thay dao tự động	Cái	1
69	Mặt bàn điều khiển máy phay	Cái	6
70	Máy chiếu Projector Panasonic PT-LB51SEA + màn chiếu Dalite 100"	Bộ	1
71	Máy lạnh treo tường 2 khối 2HP Carrier 42CSR018/38CSR018	Bộ	2
72	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5"	Bộ	51
73	Ổn áp Lioa 30KVA	Cái	1
74	Bộ âm thanh phòng học (ampli + micro + pin sạc)	Bộ	1
75	Bộ cle 8-32	Bộ	1
76	Bộ lục giác số 10	Bộ	1
77	Đầu khoan 13MTI16 (nằm trên máy)	Cái	2
78	Đồng hồ so	Cái	1
79	Kẹp dao phay (D.cụ kèm theo máy phay)BT 30-209	Cái	6
80	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
81	Máy nén khí	Cái	1
82	Mỏ lếch	Cây	2
83	Panme	Cái	2
84	Phần mềm thiết kế cho máy phay, tiện	Bộ	12
85	Tài liệu hướng dẫn cho máy phay, tiện	Cuốn	21
86	Trục nối đầu khoan NT30 (gắn trên máy)	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
87	Bạc con gá dao (DC kèm theo máy phay)	Cái	6
88	Bàn để máy phay	Cái	1
89	Ổn áp LIOA 7500W	Cái	1
90	Bàn điều khiển cho máy tiện	Cái	1
91	Máy phay CNC với bàn gá thay dao tự động DENFORD	Cái	1
92	Máy tiện CNC DENFORD	Cái	1
	Phòng Phương pháp		
93	Bộ điều khiển cánh cửa bằng khí nén PAD -7411	Bộ	1
94	Bộ giảng dạy kỹ thuật khí nén hoàn chỉnh Gồm có: - 1 bộ giảng dạy kỹ thuật khí nén (PT147A) - 1 bộ thời gian (PT147B) - 1 bộ xác định logic (PT147C) - 1 bộ giảng dạy khí nén điện tử (EP147D) - 1 máy nén khí (PPS148) - 1 bộ tài liệu	Bộ	1
95	Máy đo độ cứng ROCKWELL - PK gồm: - 1 mũi đo bằng kim cương (No 05 08 09) - 1 mũi đo bằng bi thép (1/16") - 10 bi thép thay thế (1/16") - 1 bàn thao tác loại lớn - 1 bàn thao tác loại nhỏ - 1 bàn thao tác V- block loại lớn - 1 bàn thao tác V- block loại nhỏ - 1 dụng cụ thử nghiệm B" (HRB) - 1 dụng cụ thử nghiệm C" (HRC) - Quả tạ 40kg,50kg,60kg (mỗi loại 1 cái) - 3 giá đỡ điều chỉnh mức độ - 1 thiết bị chống bụi - Tài liệu sử dụng EHT-3R	Cái	1
96	Mô hình cung cấp và kẹp phôi tự động điều khiển khí nén	Cái	1
97	Máy lạnh tủ đứng 2 khối Carrier 60.000BTU (6.5HP) model: 40QB060/38RB060SC	Bộ	1
98	Mô hình thước tiện côn chóp hình TCH 0603	Cái	1
99	Máy chiếu Overhead + màn hình hộp Dalite 80x80"3M model 1608	Bộ	1
100	Đồng hồ so	Cái	4
101	Eke	Cái	2
102	Màn hình	Cái	1
103	Mẫu trục	Cái	5
104	Mẫu xếp hình (nhựa)	Hộp	10

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
105	Máy mài 2 đá để bàn 1/2HP Shendar	Cái	1
106	Mô hình các loại	Cái	133
107	Panme các loại	Cái	4
108	Thước cặp 150mm	Cái	5
109	Thước đo độ	Cái	3
110	Thước đo sâu	Cái	1
111	Thước Propin (ren và răng)	Bộ	1
112	Thước trượt	Cái	21
113	Bộ đồ từ đồng hồ so	Bộ	10
114	Bộ đồng hồ so lỗ Mitutoyo	Cái	1
115	Kềm điện	Cây	1
116	Máy điều hòa Panasonic 2HP pc 18 GKF	Bộ	1
117	Panme điện tử hiện số 0-25	Cái	5
118	Quạt CN	Cái	2
119	Thước cặp các loại	Cái	33
120	Thước đo cao đồng hồ	Cây	5
121	Tu vít đóng	Cái	1
	Xưởng Cơ điện		
122	Giá đỡ Palăng Chữ A	Cái	1
123	Máy khoan đứng 2H 125L	Cái	1
124	Máy mài đứng 3B633	Cái	1
125	Máy phay dụng cụ 6M -76n	Cái	1
126	Xe đẩy tay	Cái	2
127	Bàn nguội	Cái	2
128	Bộ cle các loại	Cây	2
129	Calip kiểm tra lỗ	Cái	2
130	Cảo các loại	Cái	7
131	Chai Axêtylen + oxy	Chai	2
132	Đội 7 tấn	Cái	1
133	Đội thủy lực 3 tấn	Cái	2
134	Đồng hồ các loại	Cái	3
135	Etô máy	Bộ	1
136	Kềm tháo phe (CL)	Cây	5

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
137	Khóa cle 10, 14, 19, 24, 27	Cây	5
138	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	3
139	Máy cắt sắt Hitachi CG14SE	Cái	1
140	Máy hàn điện AC 220V	Cái	1
141	Máy hàn điện DC 220V	Cái	1
142	Máy khoan bàn 2M112	Cái	1
143	Máy khoan cầm tay 20 - 2RE (Bosch)	Cái	1
144	Máy mài cầm tay Makita	Cái	1
145	Máy nén khí 3 HP	Cái	1
146	Mỏ lếch	Cái	5
147	Palăng kéo tay 3 tấn	Cái	1
148	Quạt CN	Cái	1
149	Thước cặp các loại	Cái	3
150	Thước đo cao	Cây	1
151	Thước đo sâu	Cây	1
152	Tu vít đóng	Cái	1
153	Bàn Map	Cái	1
154	Bàn từ máy mài	Cái	1
155	Máy tiện + Phụ kiện:- 1 mâm cặp 4 vấu - 1 Ụ trước	Cái	1
156	Thang nhôm chữ A	Cái	1
157	Tủ điện chính	Cái	1
158	Máy mài 2 đá để bàn 3E631	Cái	1
	Xưởng hàn		
159	Đe gò chuyên dùng	Cái	12
160	Hệ thống hút khói xưởng hàn (cho 10 cabin hàn)	HT	1
161	Máy cắt Plasma 70	Cái	1
162	Máy hàn bán tự động (MAG) 350A	Cái	1
163	Máy hàn điện cầm tay (TELWIN) (hàn bấm) Digital	Bộ	1
164	Máy hàn hồ quang tay 300A (máy hàn que Inverter)	Cái	10
165	Máy hàn MAG XCX350	Cái	1
166	Máy hàn MIG 2704 PTX 270	Cái	4
167	Máy hàn Misa 300A	Cái	7
168	Máy hàn TIG đa chức năng AC/DC INSTA -TIG	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
169	Máy hàn TIG AC/DC 250	Cái	3
170	Máy hàn MIG-MAG MONOGYS 250-4CS	Cái	3
171	Máy khoan đứng	Cái	1
172	Bàn nguội + êtô	Cái	19
173	Bầu khoan Ø13	Cái	1
174	Bộ cle 8-32	Bộ	1
175	Bộ lục giác	Bộ	2
176	Búa	Cái	46
177	Cle hàm các loại	Cây	4
178	Đe các loại	Cái	17
179	Êke	Cái	15
180	Kềm bấm	Cái	3
181	Kéo cắt thép lá để bàn	Cái	1
182	Kéo cắt tole cầm tay	Cây	5
183	Khóa cle 24	Cây	1
184	Kìm điện	Cây	14
185	Kìm rên mỏ dẹt L-200mm	Cây	10
186	Máy bấm đinh tán (đầu)Yunica	Cái	1
187	Máy biến thế hàn (Máy hàn xoay chiều) TIIM-31-T2	Cái	6
188	Máy cắt đĩa REX CN	Cái	1
189	Mỏ lếch các loại	Cái	8
190	Súng hàn MIG - MAG CPTX - 270	Bộ	4
191	Súng hàn MIG - MAG XC - 350	Bộ	2
192	Tuocnovit các loại	Cái	6
193	Vỏ chai chứa khí	Cái	3
194	Máy cắt sắt (Đĩa)	Cái	1
195	Máy hàn một chiều có chấn lưu (16903-803)	Cái	2
196	Máy hàn xoay chiều 250A	Bộ	1
197	Quạt công nghiệp	Cái	1
	Xưởng Nguội		
198	Máy cưa sắt 8725	Cái	1
199	Máy khoan cần 2K-52-1	Cái	1
200	Máy khoan đứng 24125	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
201	Máy mài 2 đá đứng 3b633	Cái	1
202	Áo col	Cái	3
203	Bàn map 630 x 1000	Cái	1
204	Bàn map 250 x 250	Cái	27
205	Bàn nguội + êtô	Cái	47
206	Bầu khoan + áo col	Bộ	3
207	Bầu khoan côn morse 4	Cái	2
208	Bộ cle các loại	Bộ	5
209	Bộ đục số Φ8	Bộ	3
210	Bộ lục giác các loại	Bộ	3
211	Cần cưa tay	Cây	10
212	Cle hàm 17-19	Cây	2
213	Compa vạch dấu	Cái	16
214	Eke đo góc 90 độ	Cái	20
215	Êtô máy	Cái	3
216	Êtô máy khoan	Cái	2
217	Kềm bấm	Cái	2
218	Khóa cle 10, 14, 17, 19, 24, 27	Cây	14
219	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	14
220	Khung cưa	Cái	40
221	Máy khoan bàn 2M 112T	Cái	1
222	Mỏ lệch	Cây	3
223	Panme đo lỗ Mitutoyo VP 5-30	Cái	1
224	Phôi các loại	Cái	3909
225	Tay quay taro	Cây	16
226	Thước cặp các loại	Cái	32
227	Thước đo cao 300mm	Cây	6
228	Thước đo sâu	Cây	4
229	Thước Eke 320 ⁰	Cái	30
230	Thước kiểm phẳng	Cái	50
231	Thước lá 0-500mm	Cây	20
232	Tuocnovit	Cây	6
233	Tủ điện nguồn	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng Phay		
234	Bộ chạy bàn tự động trục X và Y (AL - 500) cho các dòng máy phay KM - 4V	Bộ	3
235	Bộ kẹp rút dao NT40	Bộ	10
236	Đầu dao phay mặt đầu NT40 col Ø 80	Bộ	10
237	Đầu phân độ BS2	Cái	2
238	Êtô máy phay	Cái	10
239	Máy bào cơ khí công cụ (B365)(Hameco/Việt Nam)	Máy	1
240	Máy khoan đứng 64125 N	Cái	1
241	Máy mài 2 đá đứng 3E633	Cái	1
242	Máy phay đứng 6P11	Cái	1
243	Máy phay ngang 6T82	Cái	3
244	Máy phay vạn năng (KM -4V)	Máy	10
245	Máy mài phẳng + Phụ kiện gồm: 1 bàn sin dọc n20 + 1 Đồ gá n303E711B	Cái	1
246	Bàn Map	Cái	1
247	Bàn nguội + êtô	Cái	3
248	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
249	Bộ cle các loại	Bộ	6
250	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	1
251	Bộ đồng hồ so	Bộ	3
252	Bộ kẹp ống đàn hồi NT40 (đầu kẹp)	Bộ	2
253	Bộ kẹp phay NT40 (đầu kẹp)	Bộ	2
254	Bộ kẹp rút dao NT40 (đầu kẹp)	Cái	1
255	Bộ lục giác	Bộ	2
256	Bút thử điện	Cái	1
257	Calip kiểm tra lỗ	Cái	8
258	Cle hàm	Cây	10
259	Đầu dao khoét chỉnh lệch tâm NT40	Bộ	1
260	Đầu dao khoét lỗ lệch tâm VBH- 107 NT40	Cái	1
261	Đầu kẹp NT40	Cái	1
262	Đầu phân độ BS-2 gồm: - Bộ bánh răng thay thế + Ụ chống tâm + Mâm cặp 3 chấu 7 inch.	Bộ	1
263	Đồng hồ so đo lỗ 50-150	Bộ	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
264	Đồng hồ so nhỏ (có chân bẻ được)	Cái	5
265	Êtô máy các loại	Cái	9
266	Kềm điện	Cây	1
267	Mâm chia độ HV-10	Cái	2
268	Mâm quay phân độ 12"	Cái	1
269	Máy nén khí 1HP	Cái	2
270	Mỏ lệch	Cây	6
271	Pamme các loại	Cây	29
272	Thước cặp các loại	Cây	42
273	Thước đo cao	Cây	9
274	Thước đo góc vạn năng	Cây	8
275	Thước đo module bánh răng	Cái	3
276	Thước đo sâu	Cây	10
277	Tuocnovit dẹp	Cây	5
278	Máy bào ngang 7E+35	Cái	1
279	Máy mài dụng cụ 3M642	Cái	1
280	Máy phay đứng 6P11	Cái	2
281	Máy phay ngang 6T82	Cái	2
	Xưởng Tiện 1		
282	Máy tiện OKUMA	Cái	1
283	Máy tiện TAKISAWA	Cái	2
284	Máy tiện WASINO	Cái	1
285	Mũi tâm quay Côn morse 5 (nằm trên máy)	Cái	3
286	Áo col các loại	Cái	6
287	Bàn nguội + êtô	Cái	2
288	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
289	Bầu khoan Ø13	Cái	1
290	Bộ cle các loại	Bộ	4
291	Bộ đế từ đồng hồ so	Bộ	2
292	Bộ lục giác	Bộ	4
293	Bút thử điện	Cái	2
294	Calip kiểm tra lỗ	Cái	14
295	Cle hàm	Cây	18

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
296	Đồng hồ so lỗ Mitutoyo	Cái	1
297	Đồng hồ so Nhật (0-10mm,1/10)	Cái	2
298	Kềm điện	Cây	2
299	Khóa cle 10,24	Cây	4
300	Khóa mở dao lục giác 14, 17	Cái	12
301	Máy nén khí	Cái	1
302	Mâm cặp 3 châu 270mm	Cái	1
303	Mâm cặp 4 châu 250mm	Cái	3
304	Máy khoan bàn 2M112	Cái	2
305	Mỏ lếch	Cây	3
306	Mũi tâm quay côn móc	Cái	15
307	Mũi tâm quay số 3	Cái	5
308	Panme các loại	Cái	22
309	Thước cặp 0-150	Cái	22
310	Thước cặp	Cây	15
311	Thước đo cao	Cây	7
312	Thước đo góc	Cây	4
313	Thước đo sâu	Cây	6
314	Tuocnovit các loại	Cây	28
315	Tủ phân phối điện	Cái	4
316	Mũi chống tâm cố định côn morse số 4	Cái	10
317	Áo côn số 4-6	Cái	10
318	Máy cưa kim loại Captain - ĐL	Cái	1
319	Máy mài 2 đá	Cái	3
320	Máy tiện 16b16KII	Cái	9
321	Máy tiện 16E20	Cái	3
322	Máy tiện HAMUTU	Cái	1
323	Máy tiện HOWA -SANYO	Cái	1
324	Máy tiện NAMBA	Cái	1
	Xưởng Tiện 2		
325	Máy mài 2 đá đứng 3b633	Cái	1
326	Máy nén khí PONY 3HP	Bộ	1
327	Máy tiện vạn năng (KC -1840)	Máy	13

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
328	Mũi tâm quay Côn morse 5	Cái	5
329	Thước đo cao Mitutoyo 300mm	Cây	5
330	Áo côn các loại	Cái	19
331	Bàn nguội + êtô	Cái	4
332	Bầu khoan cặp được mũi khoan Ø16 và chuỗi côn móc số 5	Bộ	5
333	Bầu khoan côn morse 4	Cái	1
334	Bầu khoan Ø13	Cái	1
335	Bộ đồng hồ so	Bộ	2
336	Bộ lục giác	Bộ	3
337	Búa các loại	Cây	5
338	Bút thử điện	Cái	2
339	Cây nêm để đóng áo côn dày 10mm	Cây	1
340	Đồng hồ so Mitutoyo	Bộ	3
341	Đồng hồ so Nhật (0-10mm,1/10)	Cái	2
342	Kềm các loại	Cây	6
343	Lục giác	Bộ	5
344	Máy khoan bàn 2M 112T	Cái	1
345	Mũi tâm quay côn số 5 col (nằm theo máy)	Cái	13
346	Pamme các loại	Cây	21
347	Thước cặp các loại	Cái	27
348	Tuocnovit các loại	Cái	15
349	Máy mài 2 đá đứng 3E-631	Cái	1

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 38 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Nguyễn Khắc Huy	Kỹ sư - Công nghệ chế tạo máy	NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		Thực tập Hàn cơ bản	1

– Nhà giáo thỉnh giảng:

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Phan Thị Đăng Thư	Thạc sĩ Kỹ thuật	CCSP nghề Cơ khí chế tạo		Các phương pháp gia công đặc biệt	90
2	Trần Xuân Trinh	Thạc sĩ – Công nghệ chế tạo máy	CC Sư phạm dạy nghề		Gia công với sự trợ giúp của máy tính CAM	90
3	Phạm Ngọc Cương	Thạc sĩ – Kỹ thuật cơ khí	CC Sư phạm dạy nghề		Thực tập Phay nâng cao	120
4	Nguyễn Chí Thanh	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	CCSP bậc 2, CC LL dạy học ĐH		Thực tập CNC nâng cao	120
5	Lê Xuân Long	Thạc sĩ Kỹ thuật	CC LL dạy học ĐH		Anh văn chuyên ngành	120
6	Kiều Minh Phước	Thạc sĩ Kỹ thuật	CCSP bậc 2, CC LL dạy học ĐH		Thực tập Ngươi cơ bản	120
7	Huỳnh Chí Hỷ	Thạc sĩ – Kỹ thuật cơ khí	CC Sư phạm dạy nghề, CC Kỹ năng thực hành nghề		Thực tập Hàn cơ bản	180
8	Lê Thanh Phúc	Thạc sĩ – Kỹ thuật cơ khí	CC Sư phạm dạy nghề		Thực tập Tiện cơ bản	120
9	Hoàng Võ Anh Tuấn	Thạc sĩ – Kỹ thuật cơ khí	CC SP bậc 2		Thực tập Tiện nâng cao	120
10	Bùi Phương Tùng	Thạc sĩ - Kỹ thuật (Công nghệ chế tạo máy)	CC SP bậc 2		Thực tập Phay cơ bản	120
11	Thái Văn Giáp	Thạc sĩ – Kỹ thuật Cơ khí	CC NVSP Lý luận dạy học và giáo dục		Dung sai - Kỹ thuật đo	120

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghệ vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
12	Đỗ Trung Kiên	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí (Máy xây dựng)	CC SP bậc 2		Thực tập CNC cơ bản	120
13	Nguyễn Duy Sang	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Hệ thống FMS và CIM	150
14	Nguyễn Ngọc Linh	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Anh văn chuyên ngành	120
15	Trần Đình Duy	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Máy cắt kim loại	120
16	Phan Ngọc Danh	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Kỹ thuật thủy lực - khí nén	120
17	Phạm Thanh Điền	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Lập trình CNC	135
18	Nguyễn Thái Học	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	CC Sư phạm bậc 2		Thiết kế trên máy tính CAD	120
19	Ngô Văn Phúc	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Anh văn chuyên ngành	120
20	Nguyễn Cao Thuyên	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập Ngươi cơ bản	120
21	Mã Văn Nam	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập Phay nâng cao	120
22	Gip Tú Long	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập CNC nâng cao	120
23	Nguyễn Trọng Duy	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Anh văn chuyên ngành	120

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
24	Tạ Đình Nhất	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Thực tập Ngươi cơ bản	120
25	Nguyễn Trọng Nghĩa	Thạc sĩ – Kỹ thuật Cơ khí	TN ĐHSP Kỹ thuật		Máy cắt kim loại	120
26	Trần Thị Mỹ Dung	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSP Kỹ thuật		Kỹ thuật thủy lực - khí nén	120
27	Nguyễn Trường Sinh	Thạc sĩ – Kỹ thuật cơ khí	CC Sư phạm bậc 2		Hệ thống FMS và CIM	120
28	Lê Quang Trung	Thạc sĩ – Kỹ thuật cơ khí	CC SP dạy nghề		Thực tập Phay nâng cao	120
29	Trần Hoàng Sơn	Thạc sĩ – Kỹ thuật cơ khí	CC SP dạy nghề		Máy cắt kim loại	120
30	Đoàn Thành Phúc	Kỹ sư - Kỹ thuật Công nghiệp	CC SP dạy nghề		Lập trình CNC	120
31	Trần Đăng Khoa	Kỹ sư – Cơ khí Chế tạo máy	CC Sư phạm bậc 2		Máy cắt kim loại	120
32	Nguyễn Hoàng Nam	Kỹ sư Công nghệ Ô tô	CC SP dạy nghề		Kỹ thuật thủy lực - khí nén	120
33	Nguyễn Nam Quyền	Thạc sĩ – Kỹ thuật Cơ khí	CC NVSP dành cho GV		Lập trình CNC	135
34	Ngô Ngọc Tuyền	Thạc sĩ – Kỹ thuật Cơ khí	CC NVSP dành cho GV		Thực tập Ngươi cơ bản	120
35	Nguyễn Văn Tèo	Kỹ sư – Thiết kế máy	CC Sư phạm bậc 2		Máy cắt kim loại	120
36	Nguyễn Thanh Phong	Thạc sĩ – Kỹ thuật Cơ khí	CC NVSP dành cho GV		Kỹ thuật thủy lực - khí nén	120
37	Trần Thị Thu Hiền	Kỹ sư – Kỹ thuật Công nghiệp	CC Kỹ năng thực hành nghề Cắt gọt kim loại		Hệ thống FMS và CIM	120

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

• Thời gian đào tạo: 2 năm

• Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

• Thời gian đào tạo: 1 năm

• Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành (Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

VI. Ngành, nghề: **CÔNG NGHỆ Ô TÔ**

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 730 sinh viên

– Trung cấp: 240 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 13 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Xưởng Động cơ		
1	Bàn nguội	Cái	6
2	Bàn thực tập điện tử CB	Cái	14
3	Bộ cảo giạt trục láp Kingtool (USA)	Bộ	1
4	Bộ chìa khóa cle vòng miệng 8-32	Bộ	1
5	Bộ chìa khóa vòng miệng Top	Bộ	1
6	Bộ lục giác bông	Bộ	1
7	Bộ lục giác bông Kingtool	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
8	Bộ lục giác cạnh	Bộ	2
9	Bộ lục giác cạnh Kingtool	Bộ	2
10	Bộ van tháo lọc nhớt Kingtool (USA)	Bộ	1
11	Bộ vít đóng	Bộ	2
12	Bơm cao áp Common Rail điện	Cái	1
13	Bơm cao áp Commonrail - Nhật	Cái	1
14	Bơm cao áp PE - Nhật Bản	Cái	1
15	Bơm cao áp PF - Nhật Bản	Cái	2
16	Bơm cao áp VE - Nhật Bản	Cái	1
17	Cần siết lực công nghệ Đức	Cái	1
18	Cảo bạc đạn 2 châu (Korea)	Cái	2
19	Cảo mở lọc nhớt động cơ loại 3 châu	Cái	4
20	Cảo puly 2 châu (Korea)	Cái	2
21	Cầu móc động cơ ô tô	Cái	1
22	Chân kê xe Torin (China)	Cái	8
23	Cuộn dây hơi tự động 15m	Cuộn	1
24	Đèn kiểm tra góc phun dầu sớm	Cái	4
25	Động cơ chết 4 xy lanh Toyota	Cái	4
26	Động cơ dầu 4 xylanh Hyundai 1T25	Cái	1
27	Động cơ dầu Vikyno	Cái	1
28	Động cơ kim phun xăng (kèm hộp ecu) Honda	Cái	1
29	Động cơ ô tô (dầu) - Nissan LD20	Cái	1
30	Động cơ ô tô (xăng) - EFI Toyota - 5A	Cái	2
31	Động cơ RV165-2LX	Cái	1
32	Động cơ tháo lắp	Cái	5
33	Động cơ xăng (có đủ hộp số) - Orion 4 máy - sống	Cái	1
34	Động cơ xăng (có đủ hộp số)- Magnum 4 máy - sống	Cái	1
35	Động cơ xăng (có đủ hộp số)- Mitsubishi 4máy - sống	Cái	1
36	Động cơ xăng (có đủ hộp số)- Toyota 4K 4 máy - sống	Cái	1
37	Động cơ xăng 12-16 VAC DOHC có giá đỡ	Cái	1
38	Đồng hồ đo 360	Cái	4
39	Đồng hồ đo tốc độ động cơ cảm ứng điện từ	Cái	2
40	Đồng hồ đo Vom (số) Sanwa CD 800	Cái	6

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
41	Đồng hồ so đường kính trong (China)	Cái	1
42	Dụng cụ chuyên cạo rãnh piston	Bộ	5
43	Dụng cụ đo lực siết	Cái	2
44	Dụng cụ đo sức nén động cơ Diesel	Cái	2
45	Dụng cụ ép piston đĩa thẳng Force	Cái	1
46	Dụng cụ kiểm tra ắc quy	Cái	1
47	Dụng cụ kiểm tra áp kim phun dầu	Cái	2
48	Dụng cụ lấy bulong gãy	Bộ	1
49	Êtô máy	Cái	1
50	Giá treo động cơ Torin	Bộ	1
51	Giá treo tháo lắp động cơ ô tô	Cái	5
52	Hệ thống khởi động điện (12V-0.8Kw)	Bộ	1
53	Hộp số 5 cấp	Cái	1
54	Hộp tuýp 8-32 Top	Bộ	10
55	Hộp tuýp 8-32mm	Hộp	2
56	Kèm kẹp	Cái	2
57	Kèm mở phe ngoài	Cái	2
58	Khay Inox 50 x 75 x 5cm	Cái	8
59	Máy đánh bóng xilanh M832A (EC)	Cái	1
60	Máy dầu Magnum (sm:69497) 4 xi lanh	Cái	1
61	Máy doa xi lanh D838 (EC)	Cái	1
62	Máy ép thủy lực 2 tấn	Cái	1
63	Máy khoan bàn 3M112	Cái	1
64	Máy khoan điện bằng tay	Cái	1
65	Máy kiểm tra và làm sạch bugi ELGL SC-12220	Cái	1
66	Máy mài 2 đá để bàn 3E631	Cái	1
67	Máy mài cầm tay Bosh 16mm (Malaysia)	Cái	1
68	Máy mài cầm tay sử dụng khí nén Utool	Bộ	1
69	Máy nén khí 1HP	Cái	1
70	Máy nén khí EC	Cái	1
71	Máy nổ Honda Castrol	Cái	1
72	Máy phân tích khí xả hai thành phần	Bộ	1
73	Mô hình cắt bỏ động cơ xăng 4 máy model: T-CBX4	Bộ	3

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
74	Mô hình cắt bỏ và dàn trải bơm cao áp VE - EDV	Cái	1
75	Mô hình cắt bơm cao áp PE lọc và kim phun	Cái	1
76	Mô hình cắt bơm cao áp và kim phun	Cái	1
77	Mô hình cắt bơm cao áp VE và kim phun	Cái	1
78	Mô hình cắt bơm PE và kim phun	Bộ	1
79	Mô hình cắt động cơ dầu 4 thì	Cái	1
80	Mô hình cắt động cơ xăng 2 thì	Cái	1
81	Mô hình cắt động cơ xăng 4 thì	Cái	1
82	Mô hình động cơ 2NZ	Cái	4
83	Mô hình động cơ chết 4 xy lanh Toyota Nissan	Cái	4
84	Mô hình động cơ Common Rail Huyndai	Cái	1
85	Mô hình động cơ Commonrail Kia Bongo	Cái	3
86	Mô hình động cơ đánh lửa trực tiếp 5E	Cái	1
87	Mô hình động cơ đánh lửa trực tiếp TOYOTA CAMRY V6 dung tích 3.0	Cái	1
88	Mô hình động cơ dầu KIA sử dụng bơm cao áp WG 63324(90%)	Cái	1
89	Mô hình động cơ dầu sử dụng bơm PE 8 xy lanh	Cái	1
90	Mô hình động cơ Diesel KIA (HW-005127)	Cái	1
91	Mô hình động cơ Diesel loại commonrail 4 xy lanh	Cái	1
92	Mô hình động cơ Honda Civic	Cái	3
93	Mô hình động cơ Hybrid	Cái	4
94	Mô hình động cơ phun dầu điện tử (Common rail) được làm mới dựa trên linh kiện của Hàn Quốc - Động cơ dầu 4 kỳ, 4 xylanh-MH-CMR	Cái	1
95	Mô hình động cơ phun xăng 4 xylanh đánh lửa trực tiếp	Cái	1
96	Mô hình động cơ phun xăng 6 xi lanh FORD SIERRA	Cái	1
97	Mô hình động cơ phun xăng 6 xi lanh FORD SIERRA	Cái	1
98	Mô hình động cơ phun xăng NISSAN 16 van	Cái	1
99	Mô hình động cơ phun xăng trực tiếp vào buồng đốt (GDI) của xe LEXUC GS 300	Cái	1
100	Mô hình động cơ xe Vios 2007 Toyota	Cái	1
101	Mô hình hệ thống đánh lửa trực tiếp	Cái	1
102	Mô hình hệ thống tổng thành động cơ xe ô tô	Bộ	1
103	Mô hình tổng thành động cơ Toyota Yaris	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
104	Mô hình xe ô tô tổng thành xe (xe Toyota 4 chỗ)	Cái	1
105	Mỏ lệch răng 12" (Thailand)	Cái	4
106	Nắp quy lát Toyota Priva 4 xy lanh	Cái	1
107	Ổng nghe chuẩn đoán động cơ	Cái	1
108	Quạt CN	Cái	4
109	Súng tháo mở bulon	Cái	2
110	Súng tháo mở bulông bánh xe ô tô Force (USA)	Cái	4
111	Thiết bị bơm mỡ ô tô	Cái	1
112	Thiết bị loe và cắt ống đồng (Korea)	Cái	1
113	Thiết bị sạc acquy	Cái	1
114	Thước đo phẳng	Cái	1
115	Turbo tăng áp động cơ Diesel	Cái	1
116	Vít dẹp loại đầu nhỏ	Cái	2
117	Vỏ xe Jeep 650 16LT Casumina	Cái	4
118	Xe Jeep	Cái	1
119	Thiết bị chẩn đoán kỹ thuật ô tô hiện đại GIT SCAN II	Cái	1
120	Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe cho xe du lịch KWA-825	Cái	1
121	Máy nạp ac qui khởi động đề Energy 650 Start	Cái	1
122	Bộ dụng cụ sửa chữa điện ô tô 2033EL/B (98 chi tiết và vali xách tay)	Cái	1
123	Hộp số Hyundai Accent	Cái	1
124	Mô hình động cơ ô tô 3 xy lanh của hãng ASIA	Bộ	1
125	Mô hình hệ thống chiếu sáng - Hệ thống tín hiệu trên xe Hyundai Sonata	Bộ	1
126	Mô hình mô phỏng nguyên lý hoạt động của bộ truyền bánh răng hành tinh của hộp số tự động Toyota A140E	Bộ	1
127	Mô hình cắt bỏ hộp số tự động vô cấp CVT của hãng Toyota trên ô tô	Bộ	1
	Xưởng Thí nghiệm điện		
128	Bài học về ô tô 1: Cơ bản kỹ thuật điện SO 4204-7A	Bộ	5
129	Bài học về ô tô 2: Cơ bản kỹ thuật điện tử và mạch điện tử SO 4204-7B	Bộ	5
130	Bài học về ô tô 3: Bộ phát điện 3 pha trong xe ô tô SO 4204-7D	Bộ	1
131	Bài học về ô tô 4: Hệ thống truyền tải CAN bus trong xe ô tô SO 4204-7K	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
132	Bài học về ô tô 6: tín hiệu điều chế độ rộng xung - PWM dùng trong xe ô tô SO 4204-7J	Bộ	1
133	Bài học về ô tô 7: Thực hành về cảm biến trong xe ô tô SO 4204-7F	Bộ	1
134	Bài học về ô tô 8: Kỹ thuật phát xung và đánh lửa điện tử SO 4204-7C	Bộ	1
135	Bộ thực hành động cơ Diessel (Lucas-Nulle Đức):	Bộ	1
136	Bộ thực hành động cơ phun xăng trực tiếp	Bộ	1
137	Bộ thực với hành động cơ lai, vừa xăng vừa điện (Lucas-Nulle Đức)	Bộ	1
138	Các bộ đo mở rộng cho hệ thống Car Train (Lucas-Nulle Đức): - 14 Màn hình LCD 20" Samsung B2030 . - 01 Máy tính cho giáo viên: Core I5-2320 3GHz, HDD 500GB Sata, Ram 2G DDRAM bus 1333, DVD, Mouse, Keyboard - DOS(0). - 13 Máy tính cho học viên: Core I5	Bộ	1
139	Hệ thống mạng cho các máy trạm	Ht	1
140	Hệ thống phun xăng và diesel điều khiển bằng điện tử (24 món)	Bộ	1
141	Máy chiếu Projector - Sony VPL-EX70	Bộ	1
142	Máy lạnh tủ đứng 2 khối Carrier 60.000BTU (6.5HP) model: 40QB060/38RB060SC (Thái Lan)	Bộ	1
143	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	12
144	Màn hình samsung 19"	Cái	4
145	Phần mềm ADT thực hành sửa chữa ô tô SO 2500-1A	Bộ	1
146	Phần thiết bị thực hành có bộ giao diện với máy tính, có các thiết bị đo ảo	Bộ	11
147	Thiết bị dò tìm hư hỏng hệ thống điện trong ô tô ULTRASCAN P1	Cái	2
148	Bài học về ô tô 5: Hệ thống truyền tải LIN bus trong xe ô tô SO 4204-7E	Cái	1
	Xưởng Điện		
149	Dàn lạnh hệ thống điều hòa ô tô	Bộ	4
150	Dụng cụ phát hiện rò rỉ ga lạnh Tif - Xp - 1A	Cái	1
151	Máy hút chân không	Cái	4
152	Máy nén máy lạnh	Cái	10
153	Mô hình ghế ô tô điều khiển bằng điện điều khiển ECU	Cái	2

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
154	Mô hình hệ thống chiếu sáng - tín hiệu bằng công nghệ xeon - led điều khiển bằng hộp ECU Toyota	Cái	1
155	Mô hình hệ thống chiếu sáng, tín hiệu Xenon và gạt nước sử dụng mạng quản lý can Toyota	Cái	1
156	Mô hình hệ thống chống trộm trên ô tô	Cái	4
157	Mô hình hệ thống điện trên ô tô hiện đại	Cái	1
158	Mô hình hệ thống điện xe DAEWOO LACETTI CDX	Bộ	1
159	Mô hình hệ thống điều hòa điều khiển bằng điện tử trên ô tô	Cái	1
160	Mô hình hệ thống điều hòa không khí trên xe ô tô được điều khiển bằng động cơ điện	Bộ	1
161	Mô hình hệ thống điều hòa nhiệt độ ô tô mô tơ 220/380	Cái	2
162	Mô hình hệ thống điều hòa nhiệt độ ô tô mô tơ 220/3XD	Cái	2
163	Mô hình hệ thống điều hòa nhiệt độ điều khiển bằng điện tử trên xe TOYOTA	Cái	1
164	Mô hình hệ thống điều khiển hành trình trên ô tô (Korea)	Cái	2
165	Mô hình hệ thống nâng hạ kính (Korea)	Cái	3
166	Mô hình hệ thống nạp điện ô tô	Cái	3
167	Mô hình hệ thống túi khí an toàn ô tô	Cái	3
168	Mô hình thực tập trên động cơ lai thật , lắp ráp phụ kiện đo lường, điều khiển tại Việt Nam.	Bộ	1
169	Mô hình điều khiển ghế tự động	Cái	4
170	Mô hình hệ thống chiếu sáng dùng bóng đèn Xeon	Cái	2
171	Thiết bị sạc acquy	Cái	1
172	Ắc quy ô tô 70AH-12V (Thái Lan)	Cái	2
173	Bình ắc quy 12V-70A	Cái	2
174	Bộ chìa khóa cle vòng miệng 8-32	Bộ	6
175	Bộ chìa khóa cle vòng miệng 8-32 Đức	Bộ	5
176	Bộ đèn pha ô tô đời mới 12V	Bộ	2
177	Bộ đèn sau ô tô theo mẫu	Bộ	2
178	Bộ điều khiển khóa cửa ô tô bằng điện (Nhật)	Cái	1
179	Bộ lục giác bông	Bộ	1
180	Bộ lục giác cạnh	Bộ	1
181	Bộ lục giác cạnh Kingtool	Bộ	1
182	Bộ túi khí an toàn BMW	Bộ	1
183	Bộ vi xử lý hệ thống lái điện tử	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
184	Búa cao su	Cái	4
185	Búa nhựa	Cái	4
186	Cảo puly	Cái	1
187	Dàn lạnh của hệ thống lạnh ô tô theo mẫu	Cái	1
188	Dàn nóng của hệ thống lạnh ô tô theo mẫu	Cái	1
189	Dàn nóng hệ thống điều hòa ô tô	Bộ	4
190	Đầu DVD ô tô 12V	Cái	1
191	Đồng hồ VOM điện tử	Bộ	10
192	Đồng hồ đo Vom (kim) 360	Cái	8
193	Đồng hồ đo Vom (số) Sanwa CD 800	Cái	8
194	Đồng hồ sạc ga	Bộ	2
195	Dụng cụ kiểm tra đèn pha cốt ô tô	Bộ	1
196	Hệ thống lái trợ lực điện	Bộ	1
197	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Honda	Cái	3
198	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Honda Accord - 2007	Cái	2
199	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Mazd - 2007	Cái	2
200	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Mitshubishi Juli - 2007	Cái	2
201	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Nissan Bluebird - 2007	Cái	2
202	Hộp điều khiển điện tử động cơ Ecu Toyota 3F-8E	Cái	2
203	Hộp điều khiển thân xe Toyota	Cái	1
204	Hộp tuýp 8-32mm	Hộp	2
205	Kèm kẹp	Cái	4
206	Kèm mở phe trong	Cái	2
207	Máy hút bụi Hiclean HC 30	Cái	1
208	Máy khởi động ô tô	Cái	10
209	Máy nén máy lạnh ô tô	Cái	1
210	Máy phát điện xoay chiều	Cái	7
211	Máy phát điện xoay chiều 12V	Cái	1
212	Mỏ hàn 220V-40W	Cái	4
213	Mô hình cải tiến sa bàn điện số 1	Cái	1
214	Mô hình hệ thống điện thân xe	Bộ	1
215	Mô hình hệ thống nội thất ô tô	Bộ	1
216	Mô tơ trợ lực hệ thống lái điện tử 12V-1KW	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
217	Quạt hút gió của hệ thống điều hòa nhiệt độ ô tô Toyota	Cái	4
218	Relay 4 chân Nissan	Cái	40
219	Thiết bị bơm mỡ ô tô	Cái	1
220	Thước cặp 0-150 mm	Cây	4
221	Tuocnovit	Cây	34
222	Vành tay lái có công tắc tổng đèn và gạt nước	Cái	6
	Xưởng Gầm		
223	Bánh xe và mâm xe 6.50 -13	Bộ	4
224	Con đội thủy lực (di động)	Cái	1
225	Hệ thống chống bó kẹt phanh ABS model: T-ABS	Bộ	1
226	Hộp số ô tô 5 cấp	Cái	5
227	Hộp số ô tô các loại (5,6 cấp)	Cái	2
228	Hộp số sàn MT - Toyota Camry 97	Cái	1
229	Hộp số tự động AT	Cái	5
230	Hộp số tự động Toyota	Cái	3
231	Hộp số tự động vô cấp Toyota	Cái	4
232	Máy ép thủy lực	Cái	1
233	Máy nén khí piston và bình hơi Model: B7000/500CT (Ý)	Cái	1
234	Mô hình cầu chủ động ô tô (Korea)	Cái	4
235	Mô hình cầu chủ động và dẫn hướng ô tô	Cái	4
236	Mô hình chuyển đổi cơ cấu hộp số tự động của xe Toyota Vios điều khiển từ thủy lực sang khí nén	Cái	1
237	Mô hình động cơ tổng thành- toàn bộ xe đưa lên mô hình	Cái	1
238	Mô hình hệ thống lái kiểu Macpherson Toyota	Cái	1
239	Mô hình hệ thống lái trợ lực điện Toyota	Cái	1
240	Mô hình hệ thống lái và các góc đặt bánh xe trên ô tô để ứng dụng trong giảng dạy	Cái	1
241	Mô hình hệ thống phanh chống hãm cứng ABS và TRC	Cái	1
242	Mô hình hệ thống phanh khí nén ô tô	Cái	2
243	Mô hình hệ thống phanh thủy lực	Cái	4
244	Mô hình hệ thống treo khí điều khiển điện tử của xe Toyota	Cái	1
245	Mô hình hộp số trên xe 2 cầu chủ động Toyota	Cái	2
246	Mô hình hộp số tự động điều khiển bằng điện tử	Cái	1
247	Mô hình hộp số tự động điều khiển điện tử	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
248	Mô hình phanh dầu trợ lực khí nén của xe tải 5 tấn	Cái	1
249	Mô hình hệ thống lái trợ lực bằng điện	Cái	4
250	Mô hình tổng thành hệ thống truyền lực trên ô tô	Cái	2
251	Mô hình tổng thành xe ô tô Isuzu D-Max	Cái	1
252	Thiết bị bơm dầu hộp số (Model: HO-211) (Korea)	Cái	1
253	Thiết bị cân chỉnh góc đặt bánh xe	Cái	1
254	Thiết bị cảo hộp số tự động loại 2 cây dài	Cái	2
255	Thiết bị đào tạo cân bằng động bánh xe model: SBM 125	Bộ	1
256	Thiết bị ép lò so giảm sóc TR3211	Bộ	1
257	Bàn nguội	Cái	1
258	Bánh xe ô tô 6.50 -R13	Bộ	4
259	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	2
260	Bộ chìa khóa vòng miệng Top	Bộ	4
261	Bộ lục giác bông Kingtool	Cái	1
262	Bộ lục giác cạnh Kingtool	Cái	1
263	Bộ vi xử lý hệ thống phanh ECU - ABS	Cái	2
264	Bộ vi xử lý hệ thống treo khí nén ECU	Bộ	1
265	Bơm trợ lực hệ thống lái Toyota	Cái	1
266	Búa cao su	Cái	3
267	Búa nhựa	Cái	3
268	Cần siết lực công nghệ Đức	Cái	2
269	Cảo pully	Cái	3
270	Cảo tháo Rotin ô tô	Cái	1
271	Cầu nâng 2 trục (Trung Quốc)	Cái	1
272	Cuộn dây hơi treo tường rút tự động dài 15m model: G	Cuộn	2
273	Cuộn dây hơi tự động 15m	Cuộn	2
274	Dụng cụ đo góc đặt bánh xe	Bộ	1
275	Dụng cụ đo lực siết	Cái	2
276	Dụng cụ ép lò xo giảm sóc ô tô	Bộ	1
277	Dụng cụ lấy ốc vít nam châm	Cái	2
278	Dụng cụ tháo kính xe	Cái	4
279	Dụng cụ thay dầu phanh ô tô bằng khí nén	Bộ	1
280	Hệ thống treo độc lập xe Toyota	Bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
281	Hạng ga TRC	Cái	1
282	Hộp số có hộp số phụ	Cái	4
283	Hộp số ô tô 6 cấp	Cái	2
284	Hộp số sàn	Cái	1
285	Hộp số tự động BMW	Cái	1
286	Hộp tuýp 8-32 (Đức)	Bộ	5
287	Hộp tuýp 8-32mm	Hộp	2
288	Kèm kẹp	Cái	5
289	Kèm mở phe ngoài	Cái	6
290	Kèm mở phe trong	Cái	6
291	Khay Inox 50 x 75 x 5cm	Cái	8
292	Mô hình hệ thống truyền lực xe ô tô	Bộ	1
293	Mô hình hộp số tự động	Cái	1
294	Mô hình tổng thành khung và thùng xe ô tô	Bộ	1
295	Mỏ lết 12,5 inch	Cái	1
296	Phuộc treo khí	Bộ	1
297	Quạt CN	Cái	1
298	Quạt đứng CN	Cái	4
299	Súng phun sơn W770	Cái	2
300	Thiết bị bơm dầu hộp số	Cái	1
301	Vít	Cái	4
302	Vỏ xe Corona P175/70R13	Cái	4
303	Xe nằm sửa chữa gầm	Cái	5
304	Xe vận tải nhẹ Peugeot	Cái	1
305	Xe hơi - Mitsubishi 12 chỗ	Cái	1
	Phòng Đồng Sơn		
306	Giàn khuấy sơn, cân, máy tính tra công thức sơn	Bộ	1
307	Hệ thống hút bụi di động	Bộ	2
308	Phòng sơn sấy xe du lịch	Bộ	1
309	Máy hàn phủ khí sắt	Bộ	1
310	Đèn sấy hồng ngoại sóng ngắn	Cái	1
311	Bộ kéo nắn loại 10 tấn + xe chở	Bộ	1
312	Tủ rửa súng sơn	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
313	Tủ đựng dụng cụ sơn L100xW500xH1200	Cái	1
	Thiết bị dùng chung		
314	Tủ dụng cụ	Cái	20

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 85 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 03 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Trần Thế Sơn	Đại học Công nghệ kỹ thuật Ô tô	SP dạy nghề		Thực tập Hàn cơ bản	1
2	Trần Văn Đông	Thạc sỹ Kỹ thuật Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập Ngươi cơ bản	4
3	Nguyễn Lương Tâm	Đại học – Cơ khí	CC SP dành cho GV ĐHCĐ		Đồ án học phần 1	1

– Nhà giáo thỉnh giảng

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
4	Trần Trọng Hiếu	Kỹ sư Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập Hàn cơ bản	240
5	Nguyễn Minh Duy	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Đồ án học phần 1	135
6	Trần Thanh Vàng	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Quản lý dịch vụ ô tô	90
7	Trần Phương Vũ	Kỹ sư – Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập ô tô	240

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghịệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
8	Vũ Ngọc Nhân	Kỹ sư – Cơ khí chuyên dùng			Kỹ thuật điện – điện tử	90
9	Lê Anh Tài	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô			Thực tập điện ô tô 1	120
10	Trần Minh Mẫn	Kỹ sư - Công nghệ Ô tô			Động cơ đốt trong	120
11	Võ Trần Đăng	Kỹ sư - Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Thực tập động cơ xăng	180
12	Bùi Đình Tuấn	Kỹ sư - Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	CC Sư phạm dạy nghề		Lý thuyết gâm ô tô	120
13	Trịnh Tiên	Kỹ sư - Công nghệ Kỹ thuật Ô tô			Thực tập động cơ cơ bản	90
14	Hồ Minh Hiếu	Kỹ sư – Kỹ thuật cơ khí Ô tô			Thực tập điện ô tô 2	180
15	Ngô Thị Mỹ Huyền	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Hệ thống điện và điện tử ô tô	120
16	Lê Trường Thọ	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	CC Sư phạm dạy nghề		Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	90
17	Lê Thanh Phú	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	90
18	Trần Trọng Quý	Kỹ sư – Cơ khí chuyên dùng	CC NVSP bậc 2		Thực tập động cơ Diesel	120
19	Đỗ Văn Duy	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô			Thực tập đồng sơn ô tô	180
20	Hà Hồ Hiệp Hòa	Kỹ sư – Cơ khí chuyên dùng			Thực tập kỹ thuật lái xe	120
21	Nguyễn Thanh Bình	Kỹ sư – Cơ khí chuyên dùng			Nguyên lý chi tiết máy	135

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghịệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
22	Trần Văn Đoàn	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	CC Sư phạm dạy ghè		Cơ lý thuyết	90
23	Trần Minh Thông	Kỹ sư – Cơ khí chuyên dùng			Sức bền vật liệu	90
24	Nguyễn Anh Sơn	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Thực tập Nguội cơ bản	120
25	Nguyễn Duy Bình	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Vẽ kỹ thuật	135
26	Lê Xuân Vinh	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	TN ĐHSP KT		Dung sai – Kỹ thuật đo	60
27	Diệp Hồng Đoàn	Kỹ sư – Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Autocad	90
28	Võ Thành Nhân	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật ô tô			Thực tập Hàn cơ bản	240
29	Dương Vĩ Kiên	Kỹ sư – Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập nguội cơ bản	240
30	Nguyễn Thành Long	Kỹ sư – Cơ khí chuyên dùng			Đồ án học phần 1	135
31	Bùi Thành Duy	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật ô tô			Quản lý dịch vụ ô tô	90
32	Nguyễn Phụng Minh	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật ô tô	TN ĐHSP KT		Thực tập ô tô	240
33	Bùi Nam Bằng	Kỹ sư – Cơ khí chế tạo máy	TN ĐHSP KT		Kỹ thuật điện – điện tử	90
34	Đặng Thanh Phong	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật ô tô	TN ĐHSP KT		Thực tập điện ô tô 1	120
35	Phan Dương Tuấn	Kỹ sư – Kỹ thuật Cơ khí			Động cơ đốt trong	120

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghịệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
36	Nguyễn Lâm Tuấn	Kỹ sư – Công nghệ Kỹ thuật Ô tô			Thực tập động cơ xăng	180
37	Trần Phương Vũ	Kỹ sư – Cơ khí Động lực	TN ĐHSP KT		Lý thuyết gâm ô tô	120
38	Nguyễn Tấn Hùng	Kỹ sư – Kỹ thuật Ô tô – Máy động lực			Thực tập động cơ cơ bản	180
39	Phan Hoàng Lợi	Kỹ sư - Công nghệ kỹ thuật ô tô			Hệ thống điện và điện tử ô tô	120
40	Trần Văn Dương	Kỹ sư – Kỹ thuật Cơ khí ô tô			Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	90
41	Hoàng Minh Tân	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô			Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	90
42	Ngô Tấn Nhàn	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô	TN ĐHSP KT		Thực tập động cơ Diesel	120
43	Nguyễn Vũ Quốc Trung	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô			Thực tập đồng sơn ô tô	180
44	Võ Văn Cà	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô	CCSP dạy nghề, NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		Thực tập kỹ thuật lái xe	120
45	Nguyễn Trần Duy An	Kỹ sư – Kỹ thuật cơ khí Ô tô			Nguyên lý chi tiết máy	135
46	Nguyễn Văn Việt	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật Ô tô			Cơ lý thuyết	90
47	Nguyễn Bảo Lộc	Kỹ sư – Công nghệ ô tô	Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề		Sức bền vật liệu	90

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghịệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
48	Phạm Văn Mạnh	Kỹ sư – Công nghệ ô tô	Chứng chỉ NVSP dành cho GV ĐH,CĐ		Thực tập Nguôi cơ bản	120
49	Lâm Hậu Giang	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô			Vẽ kỹ thuật	135
50	Trần Minh Tiến	Thạc sĩ Kỹ thuật	Chứng chỉ NVSP dành cho GV ĐH,CĐ		Dung sai – Kỹ thuật đo	60
51	Trần Văn Nguyễn	Kỹ sư – Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Đồ án học phần 2	135
52	Trần Sơn Bá	Kỹ sư – Cơ khí động lực	TN ĐHSP KT		Thực tập Hàn cơ bản	90
53	Hà Minh Triều	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô	TN ĐHSP KT		Vẽ kỹ thuật	180
54	Huỳnh Văn Quang	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô			Đồ án học phần 1	135
55	Nguyễn Văn Tuấn Anh	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chứng chỉ NVSP dành cho GV ĐH,CĐ		Quản lý dịch vụ ô tô	90
56	Phạm Văn Tài	Kỹ sư – Cơ khí động lực	Chứng chỉ sư phạm bậc 2		Thực tập ô tô	240
57	Phạm Việt Hưng	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chứng chỉ nghịệp vụ sư phạm bậc 2		Kỹ thuật điện – điện tử	90
58	Võ Thu Thùy	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô			Thực tập điện ô tô 1	120
59	Nguyễn Công Thành	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô			Động cơ đốt trong	120

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghịệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
60	Nguyễn Quang Minh	Kỹ sư – Cơ khí động lực	CC NVSP dành cho GV ĐHCĐ		Lý thuyết gầm ô tô	120
61	Kiều Ngọc Dịch Vụ	Kỹ sư – Kỹ thuật Cơ khí ô tô	CC Sư phạm dạy nghề		Thực tập động cơ cơ bản	90
62	Đỗ Kim Hoàng	Kỹ sư – Cơ khí động lực	CC NVSP dành cho GV ĐHCĐ		Thực tập điện ô tô 2	90
63	Phạm Minh Trí	Thạc sĩ – Kỹ thuật cơ khí động lực	CC NV sư phạm		Hệ thống điện và điện tử ô tô	120
64	Nguyễn Văn Bình	Thạc sĩ – Kỹ thuật cơ khí động lực	CC Lý luận dạy học ĐH		Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	90
65	Mai Văn Nam	Kỹ sư – Công nghệ kỹ thuật ô tô	CC NVSP dành cho GV ĐHCĐ		Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	90
66	Nguyễn Hoài Đức	Kỹ sư - Cơ khí động lực	CC SP dạy nghề		Thực tập động cơ Diesel	120
67	Hồ Trọng Du	Kỹ sư – Cơ khí động lực	TN ĐHSPKT		Thực tập đồng sơn ô tô	90
68	Nguyễn Văn Chấn	Thạc sĩ – Kỹ thuật Cơ khí động lực	CC Sư phạm dạy nghề		Thực tập kỹ thuật lái xe	120
69	Nguyễn Bá Võ	Thạc sĩ – Kỹ thuật Cơ khí động lực			Nguyên lý chi tiết máy	135
70	Đặng Quốc Cường	Thạc sĩ – Cơ khí động lực			Thực tập động cơ xăng	180
71	Vũ Thị Thu Hiền	Kỹ sư – Cơ khí động lực	Sư phạm bậc 2		Cơ lý thuyết	90
72	Nguyễn Chí Hiếu	Thạc sĩ – Kỹ thuật Cơ khí động lực	Sư phạm bậc 2		Sức bền vật liệu	90

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghề nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
73	Nguyễn Văn Hoàng Khánh	Thạc sĩ – Kỹ thuật Cơ khí động lực	CC NVSP dành cho GV ĐHCĐ		Thực tập Ngươi cơ bản	120
74	Nguyễn Quốc Dũng	Kỹ sư Cơ điện tử	CC NVSP dành cho GV ĐHCĐ		Autocad	90
75	Trương Thái	Kỹ sư Cơ khí chuyên dùng			Sức bền vật liệu	90
76	Phạm Quang Dur	Kỹ sư Công nghệ Ô tô			Cơ lý thuyết	90
77	Nguyễn Quang Huy	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô			Nguyên lý chi tiết máy	135
78	Phạm Ngọc Nhân	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô			Thực tập kỹ thuật lái xe	120
79	Trần Huỳnh Minh Khang	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô			Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại	90
80	Hồ Tân Đông	Kỹ sư Kỹ thuật Ô tô – Máy động lực			Thực tập động cơ Diesel	120
81	Đinh Văn Sơn	Kỹ sư Cơ khí chuyên dùng			Sức bền vật liệu	90
82	Phạm Văn Quyết	Kỹ sư – Công nghệ chế tạo máy	TN ĐHSPKT		Thực tập Ngươi cơ bản	120
83	Phùng Văn Tâm	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô	TN ĐHSPKT		Vẽ kỹ thuật	135
84	Nguyễn Hữu Trí	Kỹ sư – Cơ khí động lực	CC Sư phạm bậc 2		Dung sai – Kỹ thuật đo	60
85	Nguyễn Hoài Thương	Kỹ sư Kỹ thuật Cơ khí (Cơ khí ô tô)			Autocad	90

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **CÔNG NGHỆ Ô TÔ**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

• Thời gian đào tạo: 2 năm

• Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

• Thời gian đào tạo: 1 năm

• Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành (Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

VII. Ngành, nghề: **LẬP TRÌNH MÁY TÍNH**

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

– Cao đẳng: 50 sinh viên

– Trung cấp: 40 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

– Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 14 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng máy vi tính		
1	Bộ định tuyến dữ liệu mạng Internet V3300	Bộ	3
2	Bàn lập trình cho tổng đài Simen màn hình có 2 dòng	Cái	4
3	Bàn lập trình KTX 730	Cái	4
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	14
6	Bộ lưu điện 1400 VA (UPS)	Cái	7
7	Camera Analog HRN31H	Cái	1
8	Camera Analog RRN31X	Cái	1
9	Camera IP IPB220 ONVIF	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
10	Camera IP IPX220 ONVIF	Cái	1
11	Đầu ghi NVR-9004IC ONVIF	Cái	1
12	Hệ thống mạng cho các máy trạm gồm: - 01 cái switch repotec 24 ports. - 01 cái switch repotec 16 ports. - 0.5 thùng cable RJ45. - 0.5 hộp connector RJ45.	Ht	1
13	Hệ thống mạng gồm: - 03 tủ Vietrack 19" cabinet 15u, wide 60cm, deep 60cm acrylic door. - 05 cái Switch 16 ports base 10/100/1000. - 10 cái Switch 24 ports base 10/100/1000. - 03 cái modem vigor 2800.	Ht	1
14	Hệ thống mạng máy vi tính: 05 Thiết bị chuyển mạch Cisco Swich 24-Port 10/100/1000 Gigabit with WebView (dùng cho 2 ht): 55,984,500đ.	Ht	1
15	Hệ thống mạng máy vi tính: - 01 Máy in HP laser Jet M1132 MFP(A4): 5,159,000đ.	Ht	1
16	Hộp chia mạng Cisco 24 port (Switch)	Cái	2
17	Khoan tay Black	Cái	1
18	Máy dò và test cáp NF 308	Cái	1
19	Máy fax laser đa chức năng Panasonic KX-FLM672	Cái	2
20	Máy fax Panasonic KX-FT907 (Malaysia)	Cái	1
21	Máy hút bụi mini	Cái	1
22	Máy in HP Laserjet M1319F (China)	Cái	1
23	Máy in HP Laserjet PRO M1212nf MFP (China)	Cái	1
24	Máy in laser đa chức năng MF4780w	Cái	1
25	Máy lạnh National C9DLH 1 cục -1HP	Bộ	1
26	Máy lạnh	Cái	41
27	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	1
28	Máy tính bàn DELL core i7-7700 3,6Ghz/8MB - màn hình 21"	Bộ	24
29	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	133
30	Máy vi tính chủ (máy chủ)	Bộ	3
31	Máy vi tính chủ E5335 2,0GHz	Bộ	1
32	Máy vi tính chủ P4-3.8GHz	Bộ	3
33	Máy vi tính chủ P-D 3.0Ghz (Server)	Bộ	1
34	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD)	Bộ	100
35	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	160
36	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5" (VN)	Bộ	51

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
37	Máy vi tính để bàn VTB Core I5 + LCD 18.5 Led	Bộ	75
38	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	44
39	Máy vi tính xách tay SONY VAIO VPC-EB32EG	Cái	1
40	Micro có dây 5m	Cái	5
41	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2
42	Modem Vigor V3300	Cái	2
43	Ổ cứng di động cổng USB 500Gb	Cái	3
44	Ổ ghi DVD	Cái	7
45	Ổn áp	Cái	10
46	Router Wifi Tplink WR941ND	Cái	1
47	Switch 24 port	Cái	10
48	Switch Cisco 10/100/1000 Gigabit	Cái	1
49	Switch Dlink 16 port	Cái	1
50	Thiết bị truyền dẫn dành cho Camera IP-Ethernet Over Coaxial	Cái	1
51	Tổng đài Panasonic KT - TEB308 (Malaysia)	Cái	1
52	Tổng đài Panasonic KX - TEM 824 (VN)	Bộ	1
53	Tổng đài Siemens HIPATH 1190 (Brazil)	Bộ	1
54	Totolink N300RG, tốc độ: 300Mbps, công suất: 100mW, Anten cố định	Cái	2
55	UPS Santak California TG 1000-1000VA/600W	Cái	6

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 07 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1	Huỳnh Quốc Dũng	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC SP dạy nghề		Lập trình web	5
					Chuyên đề Java	3
					Đồ án 1	1
					Thực tập tốt nghiệp	6

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
2	Trần Quang Bình	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Cơ sở dữ liệu, - Công nghệ phần mềm - Lập trình hướng đối tượng - XML	210
3	Nguyễn Gia Quang Đăng	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC SP dạy nghề		- Đồ án 1 - Thiết kế Web - Công nghệ ảo hóa - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Lập trình PHP	240
4	Phan Thành Nhất	Đại học Công nghệ thông tin	CC SP dạy nghề		- Phân tích và thiết kế hệ thống - Công nghệ phần mềm - Lập trình Windows - Anh văn chuyên ngành - Photoshop	180
5	Nguyễn Thanh Phong	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC SP dạy nghề		- Bảo mật hệ thống thông tin - Thiết kế Web - Thiết bị mạng - Kỹ thuật lập trình bằng ngôn ngữ C - Đồ án 2	210
6	Nguyễn Văn Chung	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC SP dạy nghề		- Lập trình cơ sở dữ liệu - Bảo mật hệ thống thông tin - Phân tích và thiết kế hệ thống	210

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
7	Nguyễn Quốc Huy	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC SP dạy nghề		- Anh văn chuyên ngành công nghệ thông tin - Xử lý sự cố phần mềm - Sửa chữa máy tính nâng cao - Thực tập tốt nghiệp	255

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **LẬP TRÌNH MÁY TÍNH**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành (Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

VIII. Ngành, nghề: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

- Cao đẳng: 40 sinh viên
- Trung cấp: 40 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng.

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 14 xưởng.

– Thiết bị, dụng cụ đào tạo

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
	Phòng máy vi tính		
1	Bộ định tuyến dữ liệu mạng Internet V3300	Bộ	3
2	Bàn lắp trình cho tổng đài Simen màn hình có 2 dòng	Cái	4
3	Bàn lắp trình KTX 730	Cái	4
4	Bàn xén giấy	Cái	1
5	Bộ âm thanh phòng học	Bộ	14
6	Bộ lưu điện 1400 VA (UPS)	Cái	7
7	Camera Analog HRN31H	Cái	1
8	Camera Analog RRN31X	Cái	1
9	Camera IP IPB220 ONVIF	Cái	1
10	Camera IP IPX220 ONVIF	Cái	1
11	Đầu ghi NVR-9004IC ONVIF	Cái	1
12	Hệ thống mạng cho các máy trạm gồm: - 01 cái switch repotec 24 ports. - 01 cái switch repotec 16 ports. - 0.5 thùng cable RJ45. - 0.5 hộp connector RJ45.	Ht	1
13	Hệ thống mạng gồm: - 03 tủ Vietrack 19" cabinet 15u, wide 60cm, deep 60cm acrylic door. - 05 cái Switch 16 ports base 10/100/1000. - 10 cái Switch 24 ports base 10/100/1000. - 03 cái modem vigor 2800.	Ht	1
14	Hệ thống mạng máy vi tính: 05 Thiết bị chuyển mạch Cisco Swich 24-Port 10/100/1000 Gigabit with WebView (dùng cho 2 ht): 55,984,500đ.	Ht	1
15	Hệ thống mạng máy vi tính: - 01 Máy in HP laser Jet M1132 MFP(A4): 5,159,000đ.	Ht	1
16	Hộp chia mạng Cisco 24 port (Switch)	Cái	2
17	Khoan tay Black	Cái	1
18	Máy dò và test cáp NF 308	Cái	1
19	Máy fax laser đa chức năng Panasonic KX-FLM672	Cái	2
20	Máy fax Panasonic KX-FT907 (Malaysia)	Cái	1
21	Máy hút bụi mini	Cái	1
22	Máy in HP Laserjet M1319F (China)	Cái	1
23	Máy in HP Laserjet PRO M1212nf MFP (China)	Cái	1

STT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
24	Máy in laser đa chức năng MF4780w	Cái	1
25	Máy lạnh National C9DLH 1 cục -1HP	Bộ	1
26	Máy lạnh tr	Cái	41
27	Máy nước uống nóng lạnh Alaska	Cái	1
28	Máy tính bàn DELL core i7-7700 3,6Ghz/8MB - màn hình 21"	Bộ	24
29	Máy vi tính 3.2GHz	Bộ	133
30	Máy vi tính chủ (máy chủ)	Bộ	3
31	Máy vi tính chủ E5335 2,0GHz	Bộ	1
32	Máy vi tính chủ P4-3.8GHz	Bộ	3
33	Máy vi tính chủ P-D 3.0Ghz (Server)	Bộ	1
34	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD)	Bộ	100
35	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 - 2120 3.3Ghz + LCD 18.5" ACER	Bộ	160
36	Máy vi tính để bàn VTB Core I3 + màn hình LCD 18.5" (VN)	Bộ	51
37	Máy vi tính để bàn VTB Core I5 + LCD 18.5 Led	Bộ	75
38	Máy vi tính Intel Duo Core E2200 + màn hình LCD 2.2Ghz	Bộ	44
39	Máy vi tính xách tay SONY VAIO VPC-EB32EG	Cái	1
40	Micro có dây 5m	Cái	5
41	Mỏ hàn nhựa dẻo	Cái	2
42	Modem Vigor V3300	Cái	2
43	Ổ cứng di động cổng USB 500Gb	Cái	3
44	Ổ ghi DVD	Cái	7
45	Ổn áp	Cái	10
46	Router Wifi Tplink WR941ND	Cái	1
47	Switch 24 port	Cái	10
48	Switch Cisco 10/100/1000 Gigabit	Cái	1
49	Switch Dlink 16 port	Cái	1
50	Thiết bị truyền dẫn dành cho Camera IP-Ethernet Over Coaxial	Cái	1
51	Tổng đài Panasonic KT - TEB308 (Malaysia)	Cái	1
52	Tổng đài Panasonic KX - TEM 824 (VN)	Bộ	1
53	Tổng đài Siemens HIPATH 1190 (Brazil)	Bộ	1
54	Totolink N300RG, tốc độ: 300Mbps, công suất: 100mW, Anten cố định	Cái	2
55	UPS Santak California TG 1000-1000VA/600W	Cái	6

3. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 06 GV

b. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm): 01 GV

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
1.	Hồ Ngọc Chi	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC SP dạy nghề		Dựng video	4(3/1)
					Thực tập tốt nghiệp	6

– Nhà giáo thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1.	Trần Trung Hiếu	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC SP dạy nghề	4/7	- Đồ án môn học 2 - Thiết kế đồ họa với ILLUSTRATOR - Lập trình web - Biên tập phim với Premiere	255
2.	Hồ Đăng Thế	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Chế bản với Indesign - Phân tích và thiết kế hệ thống - Mỹ thuật cơ bản - Thiết kế đồ họa với Corel Draw	240
3.	Thân Hoàng Lộc	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC NVSP dành cho GV CĐ, ĐH		- Công nghệ Multimedia - Đồ án môn học 1 - Lập trình Macro trên MS Office	210
4.	Văn Công Khánh Hiệp	Đại học Khoa học máy tính	CC SP dạy nghề		- Dựng video - Thiết kế đồ họa với Corel Draw - Lập trình hướng đối tượng	180

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
5.	Phù Khắc Anh	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC NVSP		- Đồ án môn học 2 - Thiết kế chuyển động 2D với FLASH - Chế bản với INDESIGN - Lập trình Web	255

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 1 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành (Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

IX. Ngành, nghề: **KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

Trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm đăng ký bổ sung:

- Cao đẳng: 50 sinh viên
- Trung cấp: 20 sinh viên

1. Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh trên năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Cơ sở vật chất

Số phòng lý thuyết chuyên môn ngành: 74 phòng dùng chung (có 03 phòng CM)

Số phòng/ xưởng thực hành ngành: 5 xưởng.

- Thiết bị, dụng cụ đào tạo

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1.	Mỏ hàn sợi đốt	Chiếc	03
2.	Mỏ hàn xung	Chiếc	03
3.	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	01
4.	Dụng cụ kiểm tra	Bộ	06
5.	Thước mét	Chiếc	01
6.	Thước vuông	Chiếc	01
7.	Thước tầm	Chiếc	01
8.	Ni vô	Chiếc	01
9.	Ni vô điện tử (Kỹ thuật số)	Chiếc	01
10.	Ống nhựa mềm	m	12
11.	Quả dọi	Quả	01
12.	La bàn	Chiếc	01
13.	Tê	Chiếc	01
14.	Ke	Chiếc	01
15.	Bút thử điện	Chiếc	01
16.	Dụng cụ kiểm tra mối hàn	Bộ	01
17.	Dưỡng kiểm tra mối hàn	Chiếc	03
18.	Thước lá	Chiếc	06
19.	Êke	Chiếc	03
20.	Bộ dụng cụ nghề nước	Bộ	06
21.	Tô vít các loại	Bộ	01
22.	Kìm kẹp ống	Bộ	01
23.	Kìm cá sấu	Bộ	01
24.	Cờ lê	Bộ	01
25.	Dưỡng uốn ống nhiệt	Chiếc	03
26.	Dụng cụ cầm tay nghề nguội		
27.	Compa vạch dấu	Chiếc	01
28.	Đài vạch	Chiếc	01
29.	Dũa	Bộ	03
30.	Búa nguội	Chiếc	01
31.	Búa gỗ xỉ	Chiếc	01
32.	Bộ dụng cụ nghề điện nước		
33.	Tô vít các loại	Bộ	01

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
34.	Kìm cắt dây các loại	Bộ	01
35.	Kìm tuốt dây các loại	Bộ	01
36.	Kìm kẹp ống	Bộ	01
37.	Kìm điện	Bộ	01
38.	Dưỡng uốn ống nhiệt	Chiếc	03
39.	Đe	Chiếc	03
40.	Búa tạ	Chiếc	03
41.	Bàn nguội	Bộ	01
42.	Kéo cắt sắt cộng lực	Chiếc	03
43.	Bàn hàn đa năng	Chiếc	03
44.	Cabin hàn	Bộ	03
45.	Hệ thống hút khói hàn	Bộ	01
46.	Ống sấy que hàn	Chiếc	03
47.	Mặt nạ hàn	Chiếc	09
48.	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	03
49.	Khuôn đúc mẫu	Chiếc	03
50.	Bộ thực hành điện xoay chiều		
51.	Nguồn điện xoay chiều	Chiếc	01
52.	Ampe kế AC	Chiếc	01
53.	Vôn kế AC	Chiếc	01
54.	Mô đun tải	Bộ	01
55.	Bộ dụng cụ cầm tay nghề điện		
56.	Tô vít	Chiếc	02
57.	Kìm điện	Chiếc	01
58.	Kìm cắt dây	Chiếc	01
59.	Kìm tuốt dây	Chiếc	01
60.	Bút thử điện	Chiếc	01
61.	Thước mét	Chiếc	01
62.	Đồng hồ vạn năng (chỉ thị kim)	Chiếc	01
63.	Bàn vẽ kỹ thuật	Bộ	18
64.	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	18
65.	Thước T	Chiếc	01
66.	Thước cong	Bộ	01

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
67.	Eke	Bộ	01
68.	Com pa	Chiếc	01
69.	Mô hình vật thể	Bộ	06
70.	Mô hình 3 mặt phẳng chiếu	Chiếc	02
71.	Phần mềm dự toán	Bộ	19
72.	Tủ dụng cụ	Chiếc	03
73.	Máy vi tính	Bộ	19
74.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
75.	Máy phun sơn	Chiếc	03
76.	Máy hàn hồ quang	Chiếc	01
77.	Máy đánh gi (Máy chà nhám)	Chiếc	01
78.	Máy cắt ống thép	Chiếc	03
79.	Bàn ren ống thủ công	Bộ	03
80.	Ê tô song hành	Chiếc	09
81.	Ê tô kẹp ống	Chiếc	09
82.	Máy mài 2 đá	Chiếc	01
83.	Máy mài cầm tay	Chiếc	03
84.	Máy toàn đạc điện tử	Bộ	02
85.	Máy kinh vĩ bán điện tử	Bộ	02
86.	Máy thủy chuẩn	Bộ	02
87.	Máy ép cọc tre	Chiếc	02
88.	Máy ép cọc bê tông	Chiếc	01
89.	Máy đào gầu nghịch	Chiếc	01
90.	Máy đầm cát	Chiếc	01
91.	Máy đầm cóc	Chiếc	02
92.	Máy cưa gỗ cầm tay	Chiếc	03
93.	Máy bơm nước	Chiếc	01
94.	Máy trộn vữa	Chiếc	02
95.	Máy phun vữa	Chiếc	02
96.	Máy cắt gạch	Chiếc	03
97.	Máy cắt gạch vòng	Chiếc	02
98.	Máy cắt gạch cầm tay	Chiếc	03

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
99.	Máy cắt gạch hai lưỡi	Chiếc	03
100.	Máy trộn keo	Chiếc	02
101.	Máy mài gạch cầm tay	Chiếc	03
102.	Máy khoan điện cầm tay	Chiếc	03
103.	Khoan bê tông cầm tay	Chiếc	03
104.	Máy bắn vít	Chiếc	03
105.	Súng bắn keo	Chiếc	03
106.	Máy vận thăng	Chiếc	01
107.	Máy chà nhám	Chiếc	03
108.	Cầu tự hành	Chiếc	01
109.	Tời	Chiếc	01
110.	Tời máy	Chiếc	01
111.	Pa lăng xích	Bộ	03
112.	Máy cưa gỗ cầm tay	Chiếc	03
113.	Máy cưa đĩa	Chiếc	01
114.	Máy bào cầm tay	Chiếc	03
115.	Máy nắn thẳng cốt thép	Chiếc	01
116.	Máy cắt cốt thép	Chiếc	01
117.	Máy uốn cốt thép	Chiếc	01
118.	Máy cắt uốn cốt thép liên hợp	Chiếc	01
119.	Máy mài hai đá	Chiếc	01
120.	Máy mài cầm tay	Chiếc	03
121.	Máy trộn bê tông	Chiếc	01
122.	Máy đầm mặt	Chiếc	03
123.	Máy đầm dùi	Chiếc	03
124.	Máy đầm cạnh	Chiếc	01
125.	Máy ren ống đa năng	Chiếc	01
126.	Dụng cụ uốn ống thủy lực	Bộ	03
127.	Dụng cụ uốn ống đa năng	Bộ	03
128.	Máy thử áp lực đường ống	Chiếc	03
129.	Máy mài granitô	Chiếc	02

1. Nhà giáo

a. Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 06 GV

b. Tỷ lệ học sinh quy đổi/ nhà giáo quy đổi: 1/20

c. Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/ năm): 01 GV

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số tín chỉ
					Lát, ốp	3(1/2)
1	Nguyễn Trọng Thạch	Thạc sĩ -	NVSP dành cho GV CD, ĐH		Gia công, lắp đặt cốt thép	4(2/2)
					Trộn, đổ, đầm bê tông	3(1/2)
					Làm hoa tiết trang trí	3(1/2)
					Đào móng	2(1/1)
					Lát, ốp	3(1/2)

– Nhà giáo thỉnh giảng:

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, số giờ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số giờ
1	Huỳnh Tấn Lạc	Thạc sĩ - Kỹ thuật xây dựng công trình DD&CN	NVSP dành cho GV CD, ĐH		Trát, vữa, trộn, đá	45
					Vật liệu xây dựng	30
2	Trần Phương Nguyên	Đại học – Xây dựng DD&CN	NVSP dành cho GV CD, ĐH		Thực tập tốt nghiệp	270
					Lắp đặt đường ống cấp thoát nước	45
3	Võ Tấn Duy	Thạc sĩ - Xây dựng công trình DD&CN	NVSP dành cho GV CD, ĐH		Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	45
					Đồ án Kỹ thuật thi công	45

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, số giờ được phân công giảng dạy	
					Môn học, mô đun	Số giờ
4	Nguyễn Hải Dương	Thạc sĩ - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	NVSP dành cho GV CD, ĐH		Tổ chức quản lý xây dựng	45
					Lắp đặt cầu kiện loại nhỏ	45
					Dự toán xây dựng	45
					Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo	45
5	Hà Thượng Đăng	Kỹ sư – Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm			Làm mái	45
					Bạ mát tít, sơn vôi	75
					Lắp đặt thiết bị vệ sinh	75
					Gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo	45

(có hồ sơ nhà giáo kèm theo)

2. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: **KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

+ Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

+ Trình độ đào tạo: Trung cấp

- Thời gian đào tạo: 01 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

b. Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành (Có liệt kê trong từng chương trình môn học của chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

B. Phân hiệu/ địa điểm đào tạo khác: Không có

Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN (Bộ LĐ-TB&XH);
- Ban Giám Hiệu;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc